NĂM THỨ TƯ Số 161 Thứ năm 5 Octobre 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME HÀNỘI

MỤC LỤC

* Tùy-bút — Ngân-Giang – Vân-Đài – Mộng-Sơn – Đông-Chi – Giản-Chi
* Hát dưới trăng thu — Hoa-Bằng
* Những con giống về tết tháng tám — Nguyễn-văn-Tố
* Tâm hồn thi nhân với mảnh trăng thu — Phạm-mạnh-Phan
* Dịch thơ tây — Cách-Chi
* Tháng-tám nói chuyện ông Nghè — Tiên-Đàm
* Đinh-nhật-Thận (1815 – 1866) với khúc « Thu dạ lữ hoài » (1) — Nhất-Nham
* Một vài ý-kiến về đồ chơi trẻ em trong dịp tết Trung-thu — Trịnh-Vân
* Mồng tám tháng tám, ngày chúa Nguyễn Phúc-Ánh khắc phục Saigon lần thứ tư (hết) — Lê-thọ-Xuân

0$60

ĐẶC SAN VE

Thu (1944)

(TẬP THỨ HAI)

TÙY HỨNG

Mấy nét đơn-sơ

Đêm qua mộng chẳp không thành,
Thần-thơ ra đứng một mình dưới trăng.
(Sao mai rụng, vướng giọng Ngân),
Cỏ viên hoa nở, dâm phần hương bay...

Chiều nay gió nổi lạnh sao !
Hình như Thu đã lén vào trong tôi.
Đừng nơi, đừng rơi, lá ơi ! ! !
Có ai góc biển bên trời nhớ nhau...

Kẻ từ Lưu Nguyễn về trần,
Lối đào thăm-thẳm mấy lần suối hoa!..
Tay tiên đề lạnh thoi ngà,
Có con chim thước qua nhà không kêu!..

Nhớ người giữ lụa thôn La :
Dáng xuân uyển chuyển, nét hoa dịu dàng,
Tham-lam Phạm-Lãi, khéo chăng !
Nếu không, nhất định la : « Vàng của tôi. »

Thế ra, Thu đã đến rồi,
Thảo nào mưa gió tơi-bời mấy hôm !..
Xa-xôi ai đấy, có buồn ?
Thôn Dương ngành liễu vô - vàng... tương-tư !..

(vướng Dương thu Giáp-thân)

NGÂN-GIANG

Thu - ý

Một cánh hoa bay, hồn liễu ủa,
Trăm năm mặn ngọt đắng cay thừa.
Tóc cần thế sự, sầu bao mối,
Máu lạnh nhân tình, lệ đã khô.
Sự nghiệp chắc gì non nước gởi,
Thời-gian trôi mãi phấn hương mờ.
Bờ trăng nửa gối sầu thu tứ,
Giếng ngọc hồn hoa lạnh nét mơ.

VÂN-ĐÀI

Sớm thu

Ngày tới. Non ngàn tỉnh giấc mơ,
Bàn rừng : chim gầy khúc say sưa.
Vườn mây tươi đóa cười giăng lặn,
Hương núi bay cành gọi gió đưa ;
Đầm ấm sương mai hoa đợi nắng,
Miên-man suối mộng nước đăng bờ.
Đôi uyên chấp cánh tung làn biếc,
Vẽ trăng phương giời một nét thơ.

MỘNG-SƠN

Chiều thu

Gió thu lướt nhẹ trên hồ
Rung rinh đợt sóng thướt tha ánh hồng
Mây vàng lơ lửng trên không
Bờ cây lá rụng bay-trong nắng chiều
Lưng trời xa vẳng tiếng tiêu
Trăm lên thơ đón những chiều thu sang
Sương mờ bao phủ không-gian
Chim kêu xao-xác từng đàn gọi nhau.

ĐÔNG-CHI

HÁT DƯỚI TRĂNG THU

Bút-ký của HOA BẰNG

Hôm ấy là 13 tháng tám ta. Muốn hưởng thú chơi trăng và thưởng - thức cuộc dã ca trong cảnh đêm thu êm dịu, tôi tìm đến một làng bên sông Nhuệ (thuộc Hà-đông) có tiếng là « thổ sản » hát trống quân.

Dưới ánh gay-gắt chiều thu, tôi và một người bà con cùng đi trong cơn hồi-hộp... Hồi-hộp vì, dạo này, trời năng mưa, không biết đêm nay, cô Hằng có yêu chúng tôi mà buông xuống trần-gian những tơ vàng mịn đáng say-sưa, quyến-luyến...

Sau mấy trận mưa đầm mới tạnh, xe chúng tôi phải trải qua nhiều nỗi gian-lao trật-vật trên một khúc đường « mới có bước đi ».

Mây đen từng lúc bủa khắp chân trời. Cảnh vật dần chìm trong bóng tối. Đường đất còn hàng hai cây số nữa mới đến chỗ mục-đích.

Mưa lác-đác sa... Mỗi một giọt mưa là một nhát dao cắt đứt những tia hi-vọng « thưởng trăng, nghe hát » của chúng tôi.

Liệu cơ không thoát, chúng tôi liền vào trú trong một nhà quen ở bên đường.

Bấy giờ (1933) cuộc Âu-chiến hiện-thời chưa bùng nổ. Tôi còn được hân-hạnh ngồi ngắm ngọn đèn hoa-kỳ thắp bằng dầu hỏa le-lói dưới mái lá hiu-quạnh chìm trong cô thôn.

« *Vũ vô kiêm tỏi năng lưu khách* », (1)

Câu thơ cổ ấy dường vì chúng tôi bấy giờ mà tức cảnh vậy.

Không bao lâu, mưa ngớt giọt, có thể xông-xáo mà tạm đi.

Ra khỏi nếp nhà tranh ấy, tôi, tay đèn, tay ô, do chủ-nhân có lòng tốt cho mượn, đi trước dẫn đường chỉ người bà con tôi lập-cập bên, tay gậy trúc và dưới chiếc nón than!

***

Cơm tối xong, chúng tôi thấy phương đông đã ửng vàng, gạt dần những đám mây vẩn đục ra xung-quanh để dọn đường cho một đám hào-quang rực rỡ.

Tôi khấp-khởi mừng, mừng vì, đêm nay, khúc Nhuệ giang sẽ được trở nên sông Xích-bích, mà chúng tôi đây sẽ là những Tô Đông pha đời Tống trong cuộc bảo-du.

Chú lái đã ghé bên. Chúng tôi giẫm ánh trăng mà xuống thuyền.

Trời thu trong. Nước thu đầy. Thuyền thu lênh-đênh... Chúng tôi khua chèo, rắc vầy vàng trong nước. Những tiếng ỳ-ọp vỗ vào mạn thuyền như du-vỗ « khách thu » một cách nhịp-nhàng tiết tấu... Vì nay mới là đêm 13 tháng tám, nên một dải sông từ làng Khúc-thủy đến cầu Tó hãy còn vắng tiếng « anh, em, nàng, chàng ». Chúng tôi phải bơi thuyền đi tìm bạn « thanh khí... »

Tới khúc sông bên làng P. đ., một chú lái trong thuyền chúng tôi cất giọng nam, trước thả những câu khơi gợi:

«...Anh mới tới đây
Bây giờ anh mới tới đây.
Gặp em, anh hỏi cầu ngày lên chân.
Nhất cao là chốn cung Giăng.
Cuội kia cũng được thung thăng ra vào.
Nhất nghiêm là chốn động Đào,
Thuyền ngư len-lỏi cũng vào tới nơi.
Thấy em, anh muốn bảo chơi,
Hỏi rằng em có nối nhời được không..
Muốn chàng nhanh tức chữ đồng,
Hỏi em: em có vui lòng mà theo?...»

Đáp theo tiếng xướng ấy, một giọng thanh thanh nhưng mộc-mạc từ trong bóng tối ở trên bờ vang lên lanh-lảnh, nhen lại ngọn lửa hầu tàn trong lòng chúng tôi vì tưởng đến phải « cụt hứng » bởi chưng hiếm tiếng họa theo...

Cần mua

Cartouches calibre 12

Bạn nào muốn đổi lại, xin cho biết hoặc viết thư cho:

Trịnh như Luân
121 Chancéaulme Hanoi

Từ trong khoang thuyền, tôi nhỏm dậy, chăm - chú nghe cá và say sưa ngắm cảnh...

Với tài ứng khẩu bắt ngay vào vần cậu cuối của bên nam vừa dứt, bên nữ trên bờ hạ ngay được vận rất ăn-hiệp, rất nhanh nhẹn rất tài-tình và rất tự-nhiên...

«...*Con gái thanh-tân,*
Em là con gái thanh tân,
Mẹ cha yêu-dấu mười phân vẹn mười.
Thấy anh đoan-chính ở đời,
Cho nên em mới ngỏ nhời một hai.
Còn non, còn nước, còn dài,
Em nay còn đợi một người tài hoa.
Mấy câu em nói thật-thà,
Xin anh dừng giọng giăng hoa làm gì!
Cũng là buổi mới tương tri,
Thì ta giảng dụ lễ nghi mới hảo,
Cũng như chả khách dập-dìu,
Chớ như giăng gió mà điều nọ kia...»

Đêm dần sâu. Trăng dần cao. Khách chơi và người hát dân đông vui. Thuyền tôi gác chèo, lặng-lẽ thả trên sông, dường gượng-ghẹo cho khỏi đứt mạch hứng-thú của đôi bên nam nữ đương đua hát. Rồi dùa rồng múa tới-tấp trong khúc trường-giang dưới cơn gió nhẹ.

Hai bên nam nữ cùng tốt hơi. Người ta kéo dài từng mạch hàng mươi, mười lăm phút... Đã đành thuộc sẵn những bài văn sắc, nhưng người ta cũng tỏ ra thông-minh và nhanh trí khi bắt vần nhau, khi tự giới-thiệu và khi bày giãi nỗi lòng...

Song tôi cho những quộc ca-hát dưới trăng của nam nữ thôn quê trong tiết trung thu này là một món chơi rất cao thượng, rất thanh-thú, vừa tả giãi được tình-bạn của tuổi thanh-niên, vừa nêu được phong-tục ngã-ý của dân một nước văn-hiến.

Rượu tuy không nhắp, nhưng lòng tôi cũng ngây-ngất ngà say...

Thuyền tuy không rộng nhưng hồn tôi cũng theo những đợt âm - ba mơ mộng mà lên chỗ lâng-lâng nhẹ-nhàng...

***

Mui không đã ngả bóng đen mờ xuống mặt nước. Tiếng gà trong xóm đã xáo-xạc giục canh tàn. Điểm nguyệt bên bờ đã điểm những tiếng trống báo gần sáng.

Chúng tôi rời thuyền lên cạn, cố nhìn xem hoa may có thấy con hạc của Tô Đông - pha... Nhưng dưới bầu trời thu trong vắt, mây thu thanh-thanh, chỉ văng - vẳng những tiếng :

«... *Giăng đã xế tà,*
Bây giờ giăng đã xế tà,
Xin anh về ngủ kẻo mà đêm khuya

HOA-BẰNG
Đầu thu Giáp-thân
(18 Septembre 1944)

---

1) Mưa tuy không có then khóa, thế mà giữ được khách ở lại.

2) Người thương-nữ không biết cái hận mất nước, còn cứ cách sông, ca hát mãi khúc Hậu đình hoa.

臥薰珠金
聽籠簾井長
南玉不梧信
王宮枕捲桐秋
昌清無夜秋詞
齡漏顏來葉
長色霜黃

THU CUNG TRƯỜNG - TÍN

(Bài này là thu của một vương-phi thất sủng)

Giếng thu vàng lá ngô vàng
Rèm châu cánh rủ, đêm trường sương gieo!
Lòng hương gối ngọc đìu hiu;
Nam-Cung...! nằm lắng tai theo giọt đồng...

GIÁN-CHI

Đêm càng đằm trong tĩnh-mịch, tiếng ca-hát càng vọng trong man-mác mông mênh...

Tôi không dám phỏng theo thi-sĩ Đỗ Mục mà nói :

Thương-nữ bất tri vong quốc hận.
Cách giang do xướng Hậu-đình hoa (2)

Những con giống

về tết tháng tám

Ông-bàn NGUYỄN-VĂN-TO

NHỮNG con giống làm chơi trẻ con chơi trong dịp tết trung-thu, càng ngày càng nhiều. Duy có mấy con cá đã lâu, như cá rồng, sư-tử, v.v., sách nho sách tây có nói đến; nhân tết tháng tám, tôi kể lại ra đây, để độc-giả biết qua điển-tích.

Quyển *Quảng-tập viêm-văn* (trang 42) của ông Nordemann nói: « Đời Tống, có con cá chép vàng thành tinh, đến tết trung-thu nó hiện ra người, đi dỗ đàn-bà, con trẻ, hại lắm. Bao-công thấy thế, tâu Vua, sai dân làm đèn bằng giấy, hình cá chép, treo lên cửa, để nó trông thấy cùng giống thì nó không đến. Từ đấy dân mới khỏi hại ».

Đở đến *Bao-công kỳ-án* thì khác hẳn, tôi theo chữ nho dịch ra sau này:

« Ở cửa đông thành Dương-châu (nước Tàu) có một người học-trò họ Lưu tên Chân, tự là Thiên-nhiên, lúc nhỏ thông-minh mà ham học, chưa có vợ con, giốc lòng kinh sử, cam chịu thanh bần, một lòng chỉ cầu hai chữ công danh. Năm ấy là năm thứ ba hiệu Hoàng-hựu (1051 sau T.-C.) đời Tống Nhân-tông, vừa gặp khoa thi, Lưu Chân sắm sửa hành-lý đến Đông-kinh để dự thi, không ngờ đi đường, khiên-diên, thành ra chậm-trễ đến nơi thì đã thi xong. Lưu-Chân đành tuổi dài, tự an rằng: « Thế là xấu số nên không được thi », rồi thu xếp hành-lý đến ở nhờ nhà Khai-nguyên để học. Không ngờ bóng quan-âm vụn vụt, ngày tháng như thoi, thấm-thoắt đã đến tết thượng-nguyên: ở Kinh-đô, đêm nguyên-tiêu treo rất nhiều đèn. Chỗ Lưu-Chân trọ cách kinh-thành ba mươi dặm, thông ra bến Tào-vận, tên gọi là đầm Bích du, nước sâu muôn trượng, có con cá chép vàng nghìn năm đã thành yêu-tinh, thường hóa làm con gái đi ở trên bờ, để làm mê hoặc những khách phong-lưu. Đêm hôm ấy tinh cá chép vàng thoát được hình ra đầm, nghe người ta nói trong thành treo nhiều đèn, liền phun ra một viên ngọc châu, nghiễm nhiên là người con gái 17, 18, tay cầm lồng đèn, theo người ta vào trong thành. Bọn nam-nhi trông thấy, không ai là không mê. Gần đến canh năm (khoảng 4 5 giờ sáng), giời đã đang đông, ngọn đèn tàn chưa tắt, con cá yêu-tinh, sợ lộ chân-tướng, bèn chạy vào trong vườn hoa phía sau phủ thừa-tướng họ Kim, nấp ở giữa ao lớn. Hết đêm nguyên-tiêu, cá yêu tinh không nhớ về đầm Bích-du. Vừa gặp con gái thừa-tướng tên là Kim-tuyến tiểu-thư, cùng thị-nữ vào trong vườn thưởng hoa, thấy cái chậu xinh để trên giá phía đông, trên chậu có một khóm bạch-mẫu-đơn rất đẹp, liền sai thị nữ bẻ lại ngắm xem, đứng tựa bên lan-can ở trên gác cạnh ao uống rượu. Tự nhiên thấy trong ao có con cá-chép vàng, giương đầu trợn mắt bơi trên mặt nước. Tiểu-thư trông thấy lấy chén rượu đang uống dở, giới xuống nó. Yêu-tinh cá-vàng tợp một ngụm thì hết: tiểu-thư trông thấy tủm tỉm cười, giờ lâu, ngoảnh vào trong gác, cá yêu tinh đã biết tiểu-thư thích khóm mẫu đơn, đêm nào cũng thở hơi ra phun, khóm mẫu-đơn càng ngày càng đẹp, làm cho tiểu-thư ngày nào cũng phải đến xem và bẻ hoa ngắm nghía. Tiết xuân đã hết, bắt đầu sang hè. Lưu tú tài ở phòng trai đã lâu ngày, trong túi hết sạch, bạn bè trí-kỷ lại về cả, không biết làm sao, viết mấy bức chữ thảo, đem bán các nhà quan ở trong thành. Đi đến trước phủ Kim thừa-tướng, vừa gặp thừa-tướng đi thăm bạn đồng hương, trở về trông thấy Lưu tú tài tay cầm giấy chữ, truyền đưa lại xem, lấy làm thích lắm, khen mãi không thôi, rồi bảo vào trong phủ, lỏi quê quán lai-lịch, thấy người có thiên-tài, Lưu lại ở tây-quán, để dạy con cháu,

lập tức sai người nhà vào trong chùa lấy hành-lý, xếp dọn một chỗ gần vườn hoa sau, ở bên cạnh biên đông Lưu-Chân. Từ khi được Kim thừa tướng để lòng ân mặc nơ đó, càng thêm học sách, phàm giấy tờ đi lại ở trong phủ, đều do Lưu tú tài khởi thảo, Kim thừa-tướng lại càng yêu mến kính trọng. Có một tối, Lưu-Chân đi lẩn cỡ bước vào trong vườn hoa, vừa gặp tiểu-thư và hai, ba thị-nữ đang đứng dưới giàn hoa đàm nghĩa. Lưu-Chân trông thấy ra mình tự nói rằng: « Lâu nay nghe thừa-tướng có con gái nhan sắc tuyệt trần, ngày nay mới được trông thấy thật là không ngoa. Nếu về sau mình thành danh được giai-nhân nầy sánh đôi, thì may lắm » Nói xong, sợ có người biết, đi tắt quanh lại dưới liên, ngâm mấy bài thơ của Đỗ Phủ để tỏ chí-khí. Người ta thường nói: hễ độ lòng nhân-đức, thời người gian là có thể xâm lấn được. Giống yêu-quái chính cũng muốn làm mê-hoặc người con gái đẹp kia, không chưa có dịp gì. Đêm nay nhân Lưu-Chân chưa ngủ, bèn đón lối tiểu-thư, đến thẳng buồng sách gõ cửa. Lưu-Chân mở cửa, trông thấy, chính là người tiểu-thư ban ngày trông thấy, lấy làm ngạc-nhiên! Yêu-quái nói:

Tú-tài chớ lấy gì lấm lạ, thiếp đã thân-hành tới thăm cha mẹ thiếp: người đã ngủ sớm; nghe tiếng đọc sách của chàng trong trẻo, nên đến thỉnh giáo ». Lưu-Chân bấy giờ mới yên lòng cùng ngồi đối toạ, đương đường bàn luận đã lắm. Yêu-quái sắp lộ chân hình, thì Lưu-Chân cởi áo đi ngủ. Lúc ấy giới gần sáng, yêu-quái đứng dậy trước, bảo Lưu-Chân rằng: « Đêm nay sẽ đến sớm hầu chàng ». Nói xong rồi đi. Từ bấy giờ cứ ngày thì đi, đêm thì đến, tình ý càng mặn nồng. Khi yêu-quái đến, thường đem những thực phẩm ngon để đãi Lưu-Chân. Lưu-Chân từ bấy làm giàu-giỏi, mừng không biết. Có một tối yêu quái đem đủ rượu thịt đến cùng Lưu-Chân uống rượu, nói rằng: Chàng ở đây tuy tốt, nhưng sợ lâu ngày những thị-nữ nó biết, mách cho mẹ thiếp, lúc bấy giờ hai bên cùng rằng tiếng, chi bằng thiếp đã thu nhặt những thứ trang sức thiếp, cùng chàng chốn về quê hương của chàng, kế làm vợ chồng lâu dài! Lưu Chân nói: « Nếu thừa tướng sai người đuổi theo tra xét, thì tránh sao cho khỏi tội? » Yêu-quái nói: « Mẹ thiếp rất yêu thiếp, nường chi thiếp chưa có người cầu hôn, phỏng xử có đuổi theo hãy tra xét cũng không hại gì? » Lưu-Chân nghe theo, qua một đêm, tức là đêm mười bốn, dưới sông dự sẵn chiếc thuyền, đem thu nhặt mấy lạng bạc, cùng Lưu-Chân chạy thẳng về Châu-Dương (tức là quê quán Lưu-Chân). Đến sáu thừa tướng biết Lưu-Chân đi, cũng không hỏi xét làm gì. Từ bấy giờ cây hoa mẫu-đơn chết khô. Kim tiểu-thư ngày đêm thường nhớ mẫu-đơn, thành ra bệnh nặng, tuy có lương-y, cũng không thể chữa nổi. Mẹ tiểu-thư lo lắm, hỏi lại sao sinh bệnh tiểu-thư đáp vì cớ cây hoa mẫu-đơn chết. Mẹ tiểu-thư nói chuyện với thừa tướng về bệnh của tiểu-thư. Thừa tướng nói: « Hoa ấy chỉ Dương-Châu mới có, rồi sai mấy người nhà đến vùng đó đến Dương-châu. Không lấy gì nhà quan hay nhà dân, không cần gì giá đắt hay giá rẻ, cốt phải được hoa mẫu-đơn đem về. Người nhà vâng mệnh, đi thẳng đến Dương-Châu, tìm nơi khắp nơi về tới hoa mẫu-đơn như thế. Duy mấy bậc tú-tài ở của đông có giống vài khóm. Người nhà thừa-tướng hỏi dò, vừa lúc Lưu-Chân đi vắng, chỉ thấy một người con gái đứng sững trên mành mà hỏi rằng: « Người nhà thừa-tướng ngày-ngày mong đến đây rằng? » Người đàn bà đáp rằng: « Người con gái đông tự Phạm là tiểu-thư. Lúc ấy Lưu-Chân đi đâu vắng về. Người nhà thừa-tướng cũng nhận được là Lưu tú tài, đến ngày ra mất một lúc không biết vào nơi đâu gặp. Lưu-Chân hỏi người nhà thừa-tướng nhiều Dương-Châu làm gì. Người nhà kể chuyện tiểu-thư nhớ hoa mẫu-đơn sinh bệnh, nên sai đi tìm. Lưu-Chân cười nói rằng: « Tiểu-thư theo ta đã lâu rồi, giá gần nửa năm, còn tiểu thư nào nữa? » Bọn người nhà cũng không biết giả lời thế nào, thình lình sau đó thất nhanh, suốt đêm ngày trở về Đông-Kinh, báo cho thừa-tướng biết. Thừa-tướng không tin, sai người lại đến Dương-Châu để dò tiểu-thư, kẻ đến thấy giả Lưu-Chân từ con yêu không từ chối, rồi theo Lưu-Chân theo đến người nhà về kinh, đến thừa-tướng phủ, ra mắt thừa-tướng. Thừa-tướng trông thấy rõ ràng tiểu-thư, lấy làm kinh nhà còn đang phân vân thì mẹ tiểu-thư ở trong nhà ra, nói rằng: « Tiểu-thư còn nằm ở trong buồng, ốm không dậy được, lại

còn tiểu-thư nào ở đây ? » Thừa-tướng mới [illegible] Lưu-Chân [illegible] duyên cớ [illegible] khon, giấu-giếm gì, kể rõ đầu đuôi từng lý, [illegible] gặp nhau ở miền phía đông. Thừa tướng nói : « Đó là người bị yêu quái làm mê hoặc rồi ». Nói xong, [illegible] kiệu vào phủ Khai-phong, ra mắt Bao-công, kể bắt đầu đuôi việc ấy. Bao-công liền sai Tương-Long đi bắt nhà tiểu thư và Lưu-Chân đem về công đường, ngầm nghĩ kỳ thì quả nhiên không khác gì. Bao công bèn sai lấy kinh chiếu ma của Hồn-viên đúc ra, để phân biệt [illegible] thật ai giả. Khi tả hữu treo kính ở trên công-đường được một lát, thì cả yêu-tinh nhả ra một đám hắc-khí, đen kịt một góc giời, rồi một khắc đồng-hồ, hắc khí tan hết, nhìn đến nhà tiểu-thư ở công đường thì không thấy nữa ; thừa-tướng và Bao-công đều lấy làm kinh-ngạc. Những người đứng chật ở công-đường đều thất-sắc. Bao công nói : « Thừa tướng hãy tạm về, để hạ quan tra hỏi vài ngày ». Thừa-tướng cảm ơn Bao-công rồi về. Bao-công giao Lưu-Chân ở ngoài trước bầu, yết bảng rằng : « Có ai biết yêu-tinh cá vàng ở chỗ nào thưởng cho năm mươi quan tiền ».

Sáng sớm hôm sau, Bao-công đến miếu thành-hoàng, đem [illegible] chương ra hỏa, Lưu-Chân nhận lấy điệp-chương, lễ lên thành-hoàng, thành-hoàng liền sai âm-binh đi tra xét khắp mọi nơi, xem yêu-quái ở chỗ nào. Được một lát âm-binh đến bảo rằng : « Con cá chép vàng nghìn năm ở đầm Bích-du, làm ra yêu-quái, thành-hoàng đã thông-tri các vị Long-quân năm bể bốn bể, nên trốn nã cho được con yêu-quái ấy đem giải. Long-quân biết việc ấy, cùng [illegible] thủy-tộc thần binh đi dạo khắp cả sông các lỗ đã trốn nã yêu-nhân [illegible] chép. Có linh thông thủy-tộc thần binh, bị nó giết chết không biết làm thế nào. Long quân tâu với Thượng-đế. Thượng đế sai thiên-binh đi bắt. Những con yêu ấy trốn ẩn tránh tránh, không biết làm thế nào mà nã được. Bao-công ngày đêm đến miếu thành-hoàng lễ, thành-hoàng thông-tri cho Long-quân, đóng [illegible] cửa bể, rồi tìm bắt cá yêu tinh. Yêu-tinh bị đuổi [illegible] chạy vào Nam-hải.

Bấy giờ có ông lão họ Trịnh, nhà ở Kinh-đô, tính sinh hay làm việc phúc đức, nhà có treo một tờ tranh thủy-mặc vẽ tượng đức Quan âm, ngày đêm thờ rất kính-cẩn. Một đêm mộng thấy có người bảo rằng : « Sáng mai nhà ngươi đến bên bờ sông, dẫn ta [illegible] mất Bồ-tát hoàn (của Bao-công), rồi lấy phú quý một thời ». Nói xong ông lão họ Trịnh tỉnh dậy. Sớm hôm sau thẳng đến bên sông, quả nhiên thấy một người dẫn bà đứng tuổi, tay cầm cái giỏ tre, đứng ở dưới cây dương liễu, đang đợi ông lão họ Trịnh. Trông thấy ông lão, người dẫn-bà nói rằng : « Hôm nọ con cá chép vàng ở đầm Bích-du bị Long-quân bốn bể truy nã, chạy vào Nam-hải, nấp ở dưới lá sen giữa bể. Nay bị ta bắt bỏ trong giỏ tre, chắc không chạy được nữa. Bao-công có yết bảng thưởng cho người biết chỗ yêu tinh ở. Nhà ngươi dẫn ta đến với Bao công, [illegible] bao nhiêu tiền thưởng, ta cho nhà ngươi hết ». Ông lão họ Trịnh bằng lòng, đã người dẫn bà vào phủ Bao-công, đương gặp lúc Bao-công và Kim thừa-tướng cùng ngồi nghị luận việc ấy ; thuộc-lại báo tin, Bao-công sai gọi vào hỏi cầu-lo ; ông lão họ Trịnh và người dẫn-bà kể rõ đầu đuôi. Bao công nói : « Chính nó đấy », rồi bảo bắt con cá ở trong giỏ ra, để tra hỏi. Yêu-quái bị Phật lực bắt nằm ép ở trong giỏ, thổ lộ thực tình về cần-lo làm mê-hoặc Lưu-Chân và việc đem tiểu thư vào trong hang bên sườn núi thuộc đầm Bích-du. Bao-công muốn đem yêu tinh ra mổ thịt, người dẫn bà nói : « Yêu tinh nhả tinh khí nghìn năm kết lại, dẫu có mổ thịt, nó cũng không chết, để lão phụ đem đi, tự khắc có chỗ phát lạc ». Bao công cho là phải, [illegible] nghìn quan tiền trong kho thưởng người dẫn-bà. Người dẫn bà ra khỏi cửa, chạy bảo [illegible] cho ông lão họ Trịnh nói rằng : « Đền công nhà ngươi phụng [illegible] bao năm phiền nhà ngươi đem việc này truyền cho nhất gian ». Nói rồi, biến mất. Ông lão họ Trịnh mới nhờ [illegible] nhà cố thờ tranh vẽ tượng Quan âm, đem tiễn về, mời thợ vẽ vẽ tượng đức Quan-âm tay cầm giỏ tre, trong có cá chép vàng. Từ bấy giờ người kinh đô phần nhiều bắt-chước, truyền nhau vẽ, tức là tượng đức Quan-âm tay cầm giỏ cá.

(Xem tiếp trang 17)

TÂM HỒN THI NHÂN VỚI MẢNH TRĂNG THU

PHẠM-MẠNH-PHAN

Những ngày hè đã tàn. Ve sầu đã thôi không ca hát trên ngọn cây cao. Và trong đêm trường, giun dế cũng đã ngừng tấu khúc nhạc năm canh. Không còn ai nghe thấy tiếng cuốc khắc khoải giục gã xua đuổi đêm hè như trước.

Và trên không gian đã thấy lững lờ buông một dải mây xanh ngát. Trăng đã bắt đầu sáng tỏ. Sương thu đã tỏa khắp trên nhành cây ngọn cỏ.

Quang cảnh tạo vật đã nhuốm một vẻ u trầm tĩnh mịch. Bên trời lác đác đã thấy bóng nhạn kêu sương. Trong hồ, sen thắm của ngày hè đã phai mầu mà tàn tạ, như chịu tang cảnh nắng vàng đã tắt. Khắp đó đây, lá cây đã bảo nhau xào xạc tung bay để vội vã báo tin thu tới trước những cô phòng của các giai nhân đã mờ mắt đợi người trong mộng.

Gió chiều như đã chớm lạnh lùa thổi bao niềm trống trải chênh vênh với bao nỗi cô đơn hiu quạnh trong các tâm hồn lẻ bạn! Tiết trời đã ngả mầu thu.

***

Trước cảnh thu sơ ấy, là thi nhân ai không nẩy mầm thi tứ mà cùng Nàng Thơ bầu bạn. Thi sĩ Nguyễn-khuyến cũng đã ghi vài nét tự nhiên trong mấy vần thơ êm ả:

« Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như từng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào ».

. . . . . .

Một cánh hoa rơi, một chiếc lá bay, một làn gió thoảng dưới trời thu cũng là những đầu đề cho thi nhân ngâm vịnh. Nhà thơ xưa của nước Tản sông Đà trước ngọn « Thu phong » cũng đã thốt nên câu tuyệt diệu:

« Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang.
Vàng bay mấy lá ngâm già nửa.
Hỡ hững ai xui thiếp phụ chàng!
Trận gió thu phong rụng lá hồng,
Lá bay tường bắc, lá sang đông
Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
Thơ thẩn kia ai vẫn đứng không! »

Tản Đà: Khối tình con (1)

Thu về, gió heo mây đào giạt. Những ai đa cảm không khỏi vì thu mà ngẩn ngơ trăm mối. Nữ sĩ Tương Phố đã ứng vần lộng than kì ốc vì thu.

Người quả phụ ấy ngắm cảnh phòng thu vò vò giường xưa chiếu cũ nghiêng siêu, đã hồ bao niềm tâm sự trong nỗi sợi tơ lòng không tung mà gối »!

« Trời thu ảm đạm một mầu,
Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em!
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng! »

(Giọt lệ thu)

Và nghĩ tới cảnh tối tăm khi trước, mỗi độ thu sang tủi mình đầu xanh lỡ bạn, đã vì thu mà nặng lời thốn thức chan hòa giọt lệ!

***

Cảnh thu thật đã khêu gợi trong những tâm hồn đau khổ biết bao niềm u ẩn.

Trước cái cảnh lá rụng, gió đưa, với cúc ngậm mầu sương, nhiều người thật đã vì thu mà trao mối cảm.

Thi sĩ Tú Xương thì khác hẳn. Trông mảnh trăng thu vằng vặc soi tỏ trên vừng trời xanh thẳm, đối cảnh sinh tình đã bâng khuâng lên tiếng gọi:

« Nào trẻ con đâu thức để trông,
Kìa ông trăng mọc ở đằng đông.
Nhìn đâu cho biết tròn hay méo,
Trông kỹ mà xem đục với trong.
Lấy ánh khắp người đâu chẳng tỏ,
Làm gương trên đất để soi chung.
Trăng thu hay hơn thu khác,
Chẳng biết rằng ai có biết không? »

(Chơi trăng tối trăng thu)

Nhìn ánh trăng trong tỏa khắp đó đây, thi sĩ đã đặt bao nhiêu hy vọng trong cuộc cải hóa của người đồng chủng, những hoài mong tươi đẹp hơn thu khắc. Tấm lòng sốt-sắng ấy của nhà thi-nhân Côi sông Vị, ai người có thấu?

Nữ thi sĩ Hồ xuân Hương cũng chẳng vô tình với cảnh sáng tỏ ấy của đêm thu. Với giọng văn phong phú dồi dào sắn có, với sự nhận xét tinh vi, cô đã mô tả « *Giăng thu* » bằng những vận bằm bóc, cái cảm, bằng những lời chải chuốt, ẩm ở mà kín đáo:

« Mội trái giăng thu chín mõn mòn,
Nảy vừng quế đỏ độ lòm lom.
Giữa in chiếc bích khuên còn méo
Ngoài khép đôi cung cánh vẫn khêm
Ghé mặt kề trần đua sói mói,
Ngửa gan thằng cuội đứng lom khom.
Hỏi người cỗ quế rằng ai đó?
Đó có Hằng-Nga ghé mắt dòm. »

Cũng ngắm mảnh trăng thu ấy, Thi sĩ Tản Đà đã gửi bầu tâm sự trong mấy vần thơ dịp-dàng êm ả mà lại nhuốm vẻ mỉa mai chua chát.

Giữa đêm rằm, nhìn ánh bạc, thì nhau bùi ngùi cho thân thế đã từng bao phen lận đận vì kế mưu sinh, mà ngán nỗi cho cuộc vãn thương đã đến khi tàn!

Nay thì nhân tuổi mình, mái tóc xưa đã ngả mầu sương, lòng lấy chán nản, không đòi cho sống là vui, nên muốn cùng trăng thu bầu bạn:

« Đêm thu bao tuổi? Chị Hằng
Trần thế em nay chán nửa rồi
Cung quế đã ai ngồi đó chưa?
Cành đa xin chị nhẩy lên chơi.
Có bàn có bạn can chi tẻ,
Cùng gió cùng mây thế mới vui
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tựa nhau trông xuống thế gian cười! »

Khối tình con I)

***

Cho hay, cùng một mảnh trăng thu mà bao người đã từng gửi gắm niềm tâm sự.

Bên trời xa thẳm, những ai mải vui câu chuyện trời nam bể bắc vô mênh đã từng nặng lời vì cây cỏ, kéo dài cái lớn ca hy vọng, trông trăng thu trách nào khỏi vì trăng mà ngậm ngùi cho sông núi.

Phải chăng, cũng mảnh trăng thu ấy đã từng nhắc nhở cho ai, trong chốn cỏ phòng mỗi độ thu qua, giật mình nhìn bóng trong gương thấy « thu nay áo thêu vóc hiu chi lắm hơn » với làn má phấn đã phai mầu thảm mà nhìn trăng không khỏi bẽ bàng e lệ!

Ánh bạc của trăng thu quả đã nói nhiều với những ai, đã từng khêu gợi nỗi lòng vui, buồn, thương, nhớ trong lúc thu về sương xuống.

PHẠM-MẠNH PHAN

Dịch thơ Tây

Chanson d'Automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
monotone.

Tout suffocant
Et blême quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De ci, de là,
Pareil à la
Feuille morte.

P. Verlaine

***

Thu khúc

Đàn thu vội vội thức dài,
Hiu hắt sáo vọng nỉ hoài,
Lòng ta đau tê tái,
Lửng lơ sầu vợi dâng.

***

Bỗng nghe đồng hồ đổ tám,
Mặt mày ngây ngất say,
Ta nhớ-nhung ngày cũ,
Mà ta lệ lăng-lai.

Thôi ta chân cất bước,
Mặc gió lốc cuốn bay,
Nay đây rồi mai đó,
Như chiếc lá lìa cây.

CÁCH-CHI *phiên dịch*

THÁNG TÁM NÓI CHUYỆN ÔNG NGHÈ

HIÊN-ĐÀM

Cái thời khoa cử đã xa, những tấm bia « Tiến sĩ đề danh » ở Giám, qua bao cuộc tang bể đã phủ những lớp rêu phong, mặc dầu thế những danh ông Nghè ghi trong bia còn truyền, truyện ông Nghè còn được nói vì hình những ông Nghè ấy một phần đông đã tạo ra chính trị, xã hội, cách đây mấy trăm năm.

Bên cạnh những ông nghè bằng giấy, mặt phấn bán ở hàng Gai đã nhà: cho ta cái thời kỳ văn học xa-xôi, nhân tết thu, tôi thử nhắc lại vài giai thoại ông Nghè để giúp vào tài liệu văn-học:

Ông Nguyễn Toàn An, người làng Thời cư, huyện Dương an, tỉnh Hưng-yên, năm 18 tuổi đến bạn phải ra lính, gặp khi phải coi việc chăn ngựa cho nhà vua, lại vừa tết trung thu mà giang sao không tỏ tôi nhớ đêm ba-mươi.

Nhân tông lấy cảnh ấy ra thơ cho các quan làm, các quan chưa ai làm xong thì Toàn An đã ngẫu hứng đọc hai câu thơ

Mạc đồ kim chiêu nhân thị nguyệt

莫視今朝如定月

Lai thu tọng nguyệt, nguyệt di cao.

來秋望月月彌高

(dịch nghĩa: chớ thấy hôm nay mà bảo không có giăng, đến mùa thu sang năm trông giăng, giăng lại cao).

Nhà vua nghe thấy vỗ tay cười:

— Thằng lính mà cũng biết làm thơ ư?

Vì thấy câu kết có khí tượng, giọng văn lại rộng-rãi, liền miễn cho đi lính.

Ông Toàn An trở về tìm thầy học, năm 20 tuổi thì hương đỗ đầu, sau thi hội đỗ bảng-nhãn mà làm nên biển hoạn.

Nguyễn Thọ Xuân người huyện Chí-linh, tỉnh Hảidương thuở nhỏ đã được tiếng là thần-đồng. Tuy văn tài rộng rãi mà đường công danh vẫn chậm chạp mãi 54 tuổi mới đỗ sinh đồ (tú tài). Đến khoa sau vào thi hội nhân vì vua ra chơi ngọ môn đầu bài mải quá, tưa mới ra. Tất cả có 12 câu thí-sinh ai cũng nói qua 12 câu không được nhanh hách. Duy Thọ Xuân chỉ làm 4 câu nghĩa lý gọn gàng; khi quan chủ khảo xem quyển ông có bốn câu rất hay mà không giám quyết lấy liền cất vào lòm.

Ngày định đổi, đem quyển dâng lên, vua hỏi lại quan chủ khảo có còn sót quyển nào không quan chủ khảo tâu

— Còn sót một quyển có 4 câu rất hay nhưng chỉ hiềm vì tôn thiếu tám câu nên không dám lấy.

Vua phán:

— Thi nhất cú, phú nhất vận, (thơ một câu, phú một vần), một câu hay còn lấy được, phương chi là 4 câu hay, sao lại bỏ? quan chủ khảo dâng quyển, vua khen văn tài, và lấy vào hạng đầu.

Còn ông Thọ Xuân, sau khi làm bài dặn nhà trọ rằng: « khi nào ra bảng phiền ông xem hộ nếu thấy tên tôi đỗ thì về nhà báo cho tôi biết. Dặn tôi ông xách khăn gói về thẳng nhà.

Khi đến nhà vợ hỏi việc thi cử ra sao, ông bảo vợ rằng

— Đầu bài ra 12 câu, tôi chỉ làm có 4 câu thôi.

Vợ nghe tạm bành lục tặc lên gắt rằng:

— Năm mươi tuổi đầu mới trúng sinh đồ bây giờ thi, đầu bài ra 12 câu mà chỉ làm có 4 thì còn mong đỗ đạt gì!

Đến ngày phóng bảng, người nhà trọ thấy ông đỗ vào hạng tiến sĩ mừng quá, chạy đến nhà báo tin, nhưng liu cả lưỡi chỉ vỗ tay cười mà thôi.

Ông Thọ Xuân hỏi lại biết mình đỗ quay lại bảo vợ:

— Đấy bà nhìn xem, 4 câu của tôi chả ăn đứt 12 câu của người là gì!

Về sau Thọ Xuân làm quan thọ mãi 80 tuổi mới về trí sĩ.

Nguyễn xuân Quang, người làng Đột linh, huyện Thạch-Thất, tỉnh Sơn-tây, thiên tư chậm chạp, nhưng cố trí nhớ lâu và chăm chỉ học hành, đã học được câu nào thì không bao giờ còn quên nữa

Khi theo học, ông học suốt ngày đêm không hấy khi nghỉ, tiếng thì to và thô khó nghe, làng xóm mỗi khi nghe ông học cũng bịt tai mà cười.

Trong sân nhà ông, có vườn cau, ông ngồi đọc sách ở đấy, vừa đọc vừa lấy gậy đập vào thân cây để làm dịp học đến nỗi những cây cau chết lụi cả. Bà chị thấy em siêng học vừa giận vừa mừng bảo rằng :

— Đất sỏi bao giờ có trạch vàng, làm gì khổ thân như thế !

Ông không nghe, cứ chăm chăm một việc học. Đời Nhân Tông, nhà Lê, Khoa Đinh dậu, ông thi hương đỗ đầu thi đình đỗ Tiến-sĩ, ngày về vinh quy, những người đến mừng chật nhà. Ông sai làm cỗ mời bà chị đến đánh chén, ông sai người nhà làm một đĩa cô con chạch vàng to béo để mời bà chị sơi và cười bảo chị rằng :

— Ngày xưa chị bảo đất sỏi không có chạch vàng, chị xem bây giờ chẳng có là gì ? Cả hai chị em cùng nhau vui cười.

Nguyễn Chật, người làng Mục viên (Nguyệt viễn) huyện Hoằng hoa, Thanh-hóa, lúc bé đi học rất lắm, tới khi đã lớn ngoài 30 tuổi làm văn chưa thông. chỉ được cái sức vóc khỏe mạnh, những khi nghỉ học lại làm việc cày bừa, tát nước và các việc đồng ảng.

Anh em bạn học thấy dốt mà lại sức khỏe, thường ủy cho việc quét sửa nhà trường, kê ghế, kê phản cùng phụ dịch thổi cơm, nấu nước trong nhà trọ.

Năm ngoái 40 vẫn cố theo học, thầy học thấy vậy có lòng thương, nhân gặp khoa thi Hương bảo các trò khuyên rằng :

— Nguyễn Chật tuy lỗ độn nhưng có chí cố học thực đáng kể, hay các anh chở anh ấy cùng đi rồi vào trường anh em nên mỗi người giúp anh một đoạn văn, hoặc mấy ra đỗ được, kể ơn phụ cái công đèn sách.

Cả trò vâng lời

Thời ấy vào Hậu Lê niên hiệu Quang Hưng, vì mới Trung hưng nên phép thi chưa nghiêm mật lắm

Ngu ễn Chật vào trường bạn học mỗi người làm văn giúp một đoạn, vào lọt cả bốn kỳ, đến lúc kéo bảng cùng bốn năm người bạn đều đỗ hương cống.

Nguyễn Chật tuy đã 50 tuổi, nhưng sức còn khỏe lắm, sang xuân đến kỳ thi hội, Chật tự nghĩ sức mình kém, may nhờ phúc phận đỗ được hương cống đã là mãn ngu ện lắm, không giám vào kinh thi nữa.

Nhưng anh em đồng khoa, cố nài ông cùng thi hội cho vui và kẹn lúc vào trường lại giúp sức.

Nguyễn Chật bằng lòng quẩy gánh tiền gạo đến nhà trọ phục dịch cơm nước rất nhanh nhẩu được việc. Khi vào trường anh em bạn lại tạm vào giúp.

Kỳ phúc xuất bằng thấy bạn đều hỏng cả chỉ duy Nguyễn Chật đỗ trúng. Chật lấy làm lo quá thấy bạn hỏng cả, mai vào văn sách không có ai giúp, bất xoay làm sao viết cho đủ quyển.

Đêm ấy nằm mơ thấy ông già bảo rằng : quan Tân Tiến sĩ ngày mai vào trường nên mang một đầu điểm sinh đi sẽ có công hiệu.

Chợt thức dậy, không hiểu ra sao, nhưng cũng theo nhời thần nhân mang điểm sinh vào trường.

Đến lúc vào trường, xem đầu bài văn sách không hiểu nghĩa ra làm sao cả, cũng liều dóng liều che lưng ngồi ăn cơm no, ăn no xong nằm ngủ một giấc, tiếng ngáy khò khò đến chiều mới dậy.

Bấy giờ có một ông hương cống ở liền bên cạnh, là người hay chơi cờ tướng, tắm tắn đã mười phần đắc ý chỉ duy còn đoạn kim văn làm chưa xong bỗng nổi cơn đau bụng tưởng chết, trong khi ấy các hương cống kia đều mải làm văn cả, duy chỉ có một mình Nguyễn Chật ngồi yên vô sự.

Ông liền gọi lại bảo : quyển tôi làm tất đỗ cao chẳng may mà phải bạo bệnh, không thể sống được, nếu đại huynh có thể cõng tôi ra đến nhà trọ, thì tôi xin tặng

(Xem tiếp trang 16)

Nhiều quyển sách tìm

mua không còn nữa !

Tủ sách quí của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyển hay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thư kèm tem 0 $ 16 cho :

Kiosque Thanh Tao

Vinh

vài ngày sau, bạn sẽ nhận được sấp giấy đánh máy kê lên trên 200 quyển đủ các loại (Khảo-cứu, phê-bình, phong-sự, kịch, thơ, biểu-thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay.

Mỗi quyển lấy 10 $ 00 bạn sẽ không phải chịu lên giá. Thứ nào chúng tôi không có sẽ cố tìm mua giùm bạn vậy.

DINH-NHẬT-THẬN (1815-1866)

với khúc « Thu dạ lữ hoài » (1)

NHẬT-THAM

Khúc *Thu dạ lữ hoài* là một áng văn bất dệ, mở đầu thơ đầu tiên bằng chữ Hán làm theo điệu song thất lục bát là điệu của người mình đặt ra.

Đọc *Thu dạ lữ hoài ngâm*, ta cảm thấy lòng thi-sĩ, vì ở lâu ngày nơi đất khách nên chan chứa nỗi nhớ mong, rồi một đêm thu cô-tịch, đối cảnh trăng thanh, gió mát, ngâm lên khúc lữ-hoài để than thở nỗi niềm tâm sự.

Người đã ngâm lên câu thơ cảm-khái ấy, tuy sinh không gặp thời, phải vui thú với cảnh yên-hà, nhưng thực vẫn nặng lòng với non nước.

Trước khi xét đến giá-trị khúc *Thu dạ lữ hoài*, ta cần nên biết đến thân-thế tác-giả ông Đinh-nhật-Thận, một văn-hào có tư-tưởng phiêu dật.

Đinh-nhật-Thận tự là Tử úy, hiệu Bạch-mao-am, sinh năm Ất-hợi (1815) tại xã Thanh-Liên, huyện Thanh-chương tỉnh Nghệ-an sống dưới triều Gia-long, Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức, giữa khoảng sông Lam, núi Hồng.

Người thông-minh, tuấn-kiệt, ông có tài mẫn-tiệp xuất khẩu thành chương. Năm 20 tuổi, thi đậu tú tài.

Khoa Đinh-dậu (1837), ông lại ứng-thi ở trường Nghệ-an. Chánh-chủ-khảo là Lâm duy Nghĩa vốn có ác-cảm với sĩ-tử Nghệ-an, lính lại khắc-nghiệt, chỉ lấy đậu 5 viên cử-nhân tuy một khoa được tuyển 22 người.

Đinh-nhật-Thận, tên ngoài mé Tốn-son, đành ôm hận mà về.

Cáo quyển thi để về kinh ngự lãm. Vua thấy đất Nghệ-an xưa nay nhiều nhân-tài mà khoa ấy đỗ ít, bèn cho phép các tú tài cũng được dự khoa thi hội.

Năm Mậu-tuất (1838), niên-hiệu Minh-mạng thứ 19, Đinh-nhật-Thận đậu khoa thi hội, rồi vào đình-thi, đậu đầu hàng tiến sĩ. Năm ấy, ông mới 24 tuổi, so với các bạn đồng khoa, ông trẻ nhất.

Năm ấy lại chính là năm đầu cổ lệ các Tiến-sĩ được cưỡi ngựa, xem hoa trong vườn thượng uyển, rồi vào bái-mạng, đi lạy tạ các quan trường, các vị đại-thần.

Trong khi còn ở kinh để chào các quan, có người muốn thử tài Đinh-nhật-Thận, đem cuốn Tự-điển Tầu đố ông học thuộc. Ông vui lòng đem Tự điển về xem, bữa sau, hỏi lại thì chỗ nào ông cũng nhớ, đọc lại không sót một chữ.

Mọi người đều chịu ông là bậc học uyên-thâm. Nhờ có tài lỗi lạc như thế, ông kết giao với các danh-sĩ ở đương-thời.

Đinh-nhật-Thận quen Nguyễn-Hàm-Ninh là vì cùng học một thầy, cùng trọ một nhà, trong miền Nghệ Tĩnh.

Hai ông, về sau, giao-du thân-mật với Cao bá-Quát, một văn-hào đã đậu thủ khoa Tân-mão (1831), tài sơ lỗi lạc, khí phách ngang-tàng.

Tình thân-ái giữa các ông ngày thêm khăng khít, đôi khi họp mặt thường xướng họa làm vui, tiệc rượu thâu đêm suốt sáng, phóng-dật vô cùng.

Cách ít lâu, Đinh-nhật-Thận được bổ làm quan. Nhưng từ khi bước chân vào hoạn-trường ông chỉ muốn lánh xa khỏi vòng cương-tỏa. Vì tính cương-trực, ông làm Tri phủ chưa bao lâu, đã bị cam nghị phải về.

Mãi đến năm thứ ba niên-hiệu Thiệu-trị (1843), ông được phục-chức, nhưng ông cáo bệnh, quay ngựa về vườn, vui thú yên-hà, lấy nước biếc non xanh làm bạn, nay ra Bắc, mai vào Nam, không một sức gì có thể thay đổi được chí-trí-tủ của bực cao-nhân chỉ quen đúng.

« *Ngoài vòng cương tỏa, chân cao-thấp* »,

và của mợ nhà đại-khoa-giáp đã

« *Mang công-danh qui-khứ điền-viên*,

« *Bầu rượu thánh, túi thơ tiên là thú.* »

Đinh-nhật-Thận lập ấp ở giữa làng Thanh-Liên và làng Tiên-hội ấp Gia hội dựa vào một dãy núi quanh mà là giòng sông Lam cuồn cuộn bông xuôi, phong cảnh thực hữu-tình. Ông mở đất khẩn hoang, khiến một đất hoang ra trở

nên một vùng ruộng đất phì-nhiêu.

Ông lại mở trường dạy học, môn sinh thành đạt cũng nhiều. Thời thường, ông rất ham đọc sách mà sở-trường nhất về y-khoa. Ông dày công kê-cứu các sách thuốc, nên đã nổi tiếng là một bậc danh-y trong vùng, cứu được nhiều bệnh-nhân và chữa được nhiều bệnh khó trị.

Trong những giờ nhàn tản, ông cưỡi ngựa, một mình đi xem những nơi thắng-cảnh danh-lam. Đôi khi ra Bắc, thăm quan ân Nguyễn văn-Sâu lại có phen vào kinh, vào nhà Nguyễn-Hàm-Ninh để cùng nhau ngâm vịnh.

Năm Tự-đức thứ bảy (1854), ở tỉnh Sơn-tây, một đảng lập Lê-duy-Cự là dòng dõi nhà Lê, làm minh-chủ, để đánh nhà Nguyễn. Cao-bá-Quát làm giáo-thụ ở phủ Quốc-oai (Sơn tây), nghĩ mình tài học chẳng kém ai, mà cứ bị quan trên đè nén, bèn chán chỉ, bỏ quan về dạy học, rồi theo giặc xưng làm quốc-sư, tung-hoành ở vùng Sơn tây và Hà nội.

Tháng chạp năm ấy, quan phó lãnh-binh tỉnh Sơn tây là Lê-Thuận đi đánh, bắt được Cao-bá-Quát đem về chém tại làng Phú-thị, phủ Gia-lâm (Bắc ninh) là quê nhà họ Cao.

Nhân vì mùa tháng năm năm ấy, ở vùng Bắc-ninh và Sơn tây có nhiều châu-chấu phá hại mùa-màng, nên người thời bấy giờ gọi là giặc « Châu chấu ».

Sau khi quân sư giặc « Châu-chấu » bị tội, triều-đình vẫn nghi ngờ những bạn Cao-bá-Quát. Đinh-nhật-Thận thường nhật vẫn giao-du với Cao-bá-Quát, nên bị nhà đương-cục lưu ý; mọi việc hành-động của ông đều có người rình-mò.

Thông-chế Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân Pháp, cả người hãy làm bổn lộ tinh thần của giống nòi bằng lời nói, cử chỉ, cách làm việc tài sáng kiến và chí phát minh.

Một hôm vì có 3 người bạn đến chơi, muốn bày cuộc tổ tôm chơi vui, nhưng kể cả chủ nhà mới có 4 người, Đinh-nhật-Thận bèn viết thư sai người nhà qua sông mời một người bạn nữa sang đánh tổ tôm và mượn cỗ bài mộc thế.

Thư viết rằng :

« Tứ tướng dĩ cụ,
Chỉ khiếm nhất viên,
Tương nhất bách nhị thập tinh binh,
Độ hà lai chiến ! »

(Ở đây đã đủ bốn tướng, chỉ còn thiếu một viên. Đem 120 tinh-binh qua sông, quyết chiến một phen)

Rồi bá thư ấy bị một tên lính-lệ giật lấy ở tay đứa gia nô của Đinh-nhật-Thận, rồi thấy người trong tay có vẻ khả-nghi, tên thám tử chạy về trình quan địa-phương.

Đinh-nhật-Thận bị bắt, đã hết sức phân trần, nhưng cũng không sao thân oan nổi cho mình, đành chịu án « yêu thư yêu ngôn », vào nằm giam cầm.

Án tự về bộ hình bắt được Đinh-nhật-Thận phải giải về kinh để chờ thẩm-thẩm.

Vì đại-thần có thân quyền với cô tự-điển với ông, nên quyết kiến ông vào tội tử hình.

Nhưng may thay ! kh. ông vừa bị bắt ngục thì bà mẹ của vị đại-thần kia lâm bệnh. Bệnh ngày càng trầm trọng không thuốc nào chữa khỏi. Bà vốn biết tiếng ông là một vị danh-y bèn bảo con phải đi rước ông về chữa cho mẹ.

Vốn là người con chí hiếu, vị đại-thần đành gạt nước mắt, quên tư hiềm, thân hành đi rước Đinh-nhật-Thận về chữa cho mẹ.

Thuốc của Đinh-nhật-Thận quả nhiên cứu sống mẹ vị Đại-thần.

Sau khi bà bình-phục, bà buộc vị đại-thần phải tâu xin Hoàng-thượng ân-xá cho vị danh-y họ Đinh.

Lại gặp khi nhà vua bất đình thần vị thì một bức « Long ân long ái », các quan độ lên gần 50 cái đều bị vua chê cả. Có người biết Đinh-nhật-Thận có tài mẫn-tiệp, bèn nhờ ông nghĩ giúp.

Ông liền đọc ngay mấy câu, độ lên ngự lãm. Vua Dực-tông rất phục tài.

Vì các nữ tiền chầu bao lấy vua Tự Đức xét Đinh-nhật-Thận không có bằng-chứng là đã can phạm vào việc phiếm loạn lại là người có tài đáng thương, bèn tha cho ông khỏi vòng gông cầm.

Tuy vậy, chưa tin Đinh-nhật-Thận mộ dạ trung thành, nên muốn để việc kiểm thúc, nhà vua gửi họ Đinh ở Huế dạy mấy người tôn-thất để độ hành vi cử-chỉ của ông.

Trong lúc ông bị giam lỏng ở kinh, phần thì buồn rầu về cảnh-ngộ, phần thì tương nước nhớ nhà, vào một buổi đêm thu trăng sáng, Đinh-nhật-Thận uống rượu

(Xem tiếp trang 16)

(1) Dịch tài liệu của các ông Đào Duy Anh, Nguyễn Đỗ và Nguyễn tài Chất.

Một vài ý kiến về đồ chơi trẻ em trong dịp tết Trung-thu

TRỊNH-VÂN

Ngày tết Trung thu của ta cũng như ngày lễ « Noël » của người phương tây. Nước nào cũng có một ngày đáng quý để dành cho các trẻ em vui hưởng

Tuổi thơ-ấu là thời-kỳ thiên-chân lạn mạn của người ta.

Franklin, lúc bé chỉ thích một ái còi hơn túi tiền lớn.

Trần Quốc-Khang và vua Trần Thánh tông, lúc trẻ, đùa nhởn ở trước mặt Thượng hoàng, tranh nhau chốc áo bông trắng, múa-may như người rợ Hồ (1).

Tương-lai hay hay dở quan-hệ ở tuổi thơ-ấu được đào tạo và dẫn dắt có nhằm đường hay không.

Kẻ làm cha mẹ chẳng những chỉ chăm-nom cho con hay ăn chóng lớn, mà lại cần phải tìm cách cho con chơi không có hại, dạy cho con nhân đồ chơi mà biết suy nghĩ, nhanh nhẹn, và khéo léo, v.v...

Vậy muốn cho trẻ em học trong lúc chơi, ta cần phải chọn những đồ chơi cho trẻ

Các nước văn minh đồ chơi của trẻ em được các nhà chuyên môn nghiên-cứu và những nhà máy lớn làm rất tinh xảo để các đồ chơi đó được thích hợp với trình độ nhi-đồng và phổ cập khắp nước. Nào những đồ chơi chạy bằng điện, có thứ dùng bằng hơi nóng, hay chạy bằng giây cót, và nhiều thứ khác chuyển động bởi sức khoẻ của trẻ em lấy chân đạp, hoặc lấy tay quay.

Cho các em chơi hình các súc-vật để các em biết nhận xét hình thể các giống vật, chơi « poupée » để có tính hiền lành bác ái, chơi những đồ « chiến cụ » để có tính thần chiến đấu và chơi các đồ trong nhà như bàn, ghế tủ để biết bầy biện, v.v..

Vậy thứ chơi gì cũng có phần bổ ích cho trẻ con cả.

Ở nước ta đã có từ xưa những đồ chơi bằng đất, bằng bột nặn hay bằng giấy. Nhưng các thứ nầy chỉ bổ ích về đường giải trí chứ không có tính-cách khoa học.

Thế kỷ này là thế kỷ máy móc. Các đồ chơi của trẻ con cũng phải có tính cách máy móc để trau-giồi tinh-thần khoa-học và gây thói quen khôn-khéo cho trẻ ngay lúc hãy còn non nớt.

Bây giờ chúng ta hãy qua các cửa hàng xem sơ các đồ chơi trẻ em. Đồ chơi bằng giấy bán ở Hàng Gai : vẫn ông Nghè, vẫn đầu sư tử, vẫn đèn kéo quân, vẫn các thứ đèn xếp vẫn cảo con giống làm bằng bông hay bằng giấy cứng tô màu và những con giống nặn bằng bột... Tất cả những vật này chỉ dùng cho trẻ em vui chơi trong chốc lát chứ không hợp thời mới.

Ở Hàng Thiếc chỉ làm những vật thông thường như ông sư gõ mõ, con thỏ đánh trống, người phu kéo xe, v.v. Cách trình-bày còn vụng và cách làm chưa được tinh-xảo, chỏ nên dễ làm trầy da trẻ em, và không mang lại cho chúng sự gì mới lạ.

Dẫu vậy, hiện nay cũng có một vài nhà chuyên môn làm đồ chơi cho trẻ, họ cũng đã lưu tâm tìm tòi dụng công chế tạo :

Các con giống bằng gỗ có bánh xe, các poupées, các thứ xe hình binh lính, các đồ chơi về khoa bầy biện và xây dựng v. v.. Cũng đáng khen vì đã có nhiều sự cố-gắng ở trong cách trình bầy và cách áp-dụng. Nhưng nhiều thứ hãy còn sơ-sài, nên chưa có thể so-sánh với hàng ngoại quốc được.

Nhân tết Trung thu là ngày tết của trẻ con, ta nên tổ chức cho các trẻ em một ngày chơi có tính cách lịch-sử, và có những lối chơi « Khoa-học » để, trong ngày đáng quý ấy, các em nhân sự chơi mà được ích-lợi về ba phương-diện : trí, thể, đức dục.

TRỊNH-VÂN

(1) *Đại-Việt sử ký toàn thư, quyển 5, tờ 32 a b.*

ĐÃ CÓ BÁN
VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ YẾU
DƯƠNG QUẢNG HÀM
Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hànội
500 trang khổ lớn 15 × 23
giá 12$00
DANH TỪ Y HỌC
(Tập A và B)
PHẠM KHẮC QUẢNG:
Y-khoa Bác-sĩ
LÊ KHẮC THIỀN :
Ngoại-trú Y-sinh gia 3$00
ĐẠI NAM HÌNH PHÁP
LÊ CHƯƠNG CHÁNH
Luật-khoa Tiến-sĩ
Thẩm Phán tại tòa Thượng-thẩm Hànội
350 trang khổ 13 × 20 giá 10$00
Nhà in XUÂN THỌ
214, hàng Bông Hanoi

Tháng tám nói chuyện ông Nghè

(Tiếp theo trang 11)

đại-huynh quyển này, thay đề tên khác mà nộp, còn tôi thì cáo bệnh »

Nguyễn Chật mừng quá, lính lấy quyển, đề tên mình mang nộp, rồi cõng ông kia ra cửa trường.

Khi gần đến cửa, ông kia đau quá, ngất đi tưởng chết, Nguyễn Chật lỏi :

— Đại huynh bình nhật vẫn có chứng này ư?

Ông kia đáp.

— Vâng, bệnh tôi sẵn có tật khi đau chỉ ăn một bát điểm sinh là khỏi, nhưng bây giờ lấy đâu ra được.

Nguyễn Chật nói :

— Sao đại huynh không bảo trước, tôi có mang theo đây.

Liền dở gói điểm sinh cho ông kia ăn, khỏi đau bụng ngay cùng đưa nhau về.

Quan-quủ-khảo chấm bài Nguyễn Chật thấy hay lắm lôi lấy đỗ đầu, nhưng vì kim văn còn thiếu mất hai đoạn nên cũng phải lấy đỗ thứ bảy.

Tới ngày định đối, vua ra giải quá. Các cống sĩ sao xong đầu bài đã làm cả, duy Nguyễn Chật loay hoay mãi, quá nửa canh không xong, mắt đỏ hoe tay run lập-cập viết chẳng nên chữ.

Nhân có thày đội thề sát đi qua đấy, trông thấy Nguyễn Chật sao đầu bài mãi không xong đã ngứa mắt, Nguyễn Chật lại vỗ vai thày đội chỉ lên bảng hỏi :

— Này này ông đội, chữ kia là chữ gì nhỉ? Thày đội phá cáu co chân đạp một cái Nguyễn Chật lăn nằm ra.

Đến buổi chiều, vua hề Tôn ngự ra trường thi, xem các cống sĩ làm văn, thấy người nằm ở dưới bảng đầu bà, liền phán hỏi

Nguyễn Chật tâu

— Kẻ hạ thần đương sao đầu bài, bị đội thề sát đạp một cái đau lắm không giậy được.

Vua nghe tâu giận lắm sai cách chức viên đội thề-sát và truyền đem cấm binh phải khiêng Nguyễn Chật về nhà thuốc.

Nguyễn Chật ra khỏi trường mừng thầm nếu không nhờ có cái đạp của thày đội thì sao thoát ra nạn làm văn.

Trước khi kéo bảng, các quan trường nhiều người bàn nên trừ bỏ tên Nguyễn Chật, Vua còn do dự bỗng gặp việc Trịnh Xuân nổi loạn, xa giá phải chạy về Nam — vài tháng loạn yên mới về, vua truyền cứ y như bội bảng lấy đỗ Tấn sĩ. Vì thế Nguyễn chật được đỗ Tấn sĩ đội bảng

Về sau có công theo đi dẹp giặc được phong đến quốc-công (1)

Truyện ông Nghè nếu kể mãi thì bao giờ cho hết và nguyên một số trong các bia đã có hơn 1000 vị rồi.

Năm năm Trung thu đến, giăng vằng vặc, gió càng mát, người ta còn được nhớ đến ông nghè, nhưng nhớ ở tài tưởng tượng vì thời khoa-cử xưa đã xa mà thời khoa-cử mới vừa dựng vậy.

TIÊN ĐÀM

(1) *Chuyện theo lập Lan tri kiến văn tạp ký của ông Vũ nguyên Hanh, sách chép tay trong nhà*

Vì chật chỗ đón coi số tới

1) Cụ Phó Bảng Cụ kỷ với tình thầy phó học

phỏng vấn của

PHẠM MẠNH PHÁN

2) Văn chỉ tiên hiền huyện Thọ Xương

TIÊN-ĐÀM

3) Một đực danh hiền sợi Nguyễn

KHẢI SINH

HÃY ĐỌC

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

(Một trong sáu bộ tài tử của Tàu)

Một bộ cổ sử giá trị từ nhất trước đến nay.

Sách dày trên 400 trang khổ — rộng in toàn trên giấy quý (blanc art). Bìa tuyệt đẹp — số in có hạn. Giá 16$00

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

Đinh-nhật-Thận...

(Tiếp theo trang 13)

tiêu sầu, cái sầu vạn-kế đã tạo thành một nguồn thơ bất-diệt, khúc *thu dạ lữ hoài ngâm*.

Khúc ca ai-oán ấy, làm giữa vùng Bình-sơn, Hương-thủy, đã làm động lòng tao-nhân đấng minh-quân. Ngài khen tài người thi-sĩ và cảm cho mình kẻ hương nên tác-giả được tha về với cảnh thanh nhàn nơi đồng ấng.

Qua vòng luy-tiết, bọ Đinh sống lại cái đời ẩn dật của một bực cao-nhân, chỉ lấy chữ nhân làm quý, mặc ai tranh-giành danh thừa, lợi vật.

Ở nhà thì làm bạn với thánh-hiền và làm thầy cho hậu-tiến. Đến khi ra đường thì nước biếc, non xanh, trăng thanh, gió mát là thú tiêu sầu; gỏ thuốc, bầu rượu, túi thơ, vui cùng tuế nguyệt.

Đinh-nhật-thận mất ngày 18, tháng sáu, năm Bính-dần (1866), niên hiệu Tự-đức năm thứ 19, thọ 52 tuổi.

Ông tiêu-biểu cho cái tính cương trực và phóng-túng của dân Nghệ-Tĩnh. Tuy là một nhà văn-hào hay ngâm-vịnh, nhưng không lề lưu-thảo, Đinh-nhật-Thận đã bất bủ cùng áng văn *Thu dạ lữ hoài ngâm*.

Thu dạ lữ hoài ngâm đại-ý như sau này:

Cái kiếp phù sinh như giấc mộng, được mấy gang tay! Cho nên cần phải bày trò vui-kẻo uổng phí thi-giờ. Gặp cảnh thu, trăng thanh, gió mát, nào ai biết cùng mình cùng hưởng cái thú đêm thu lặng-lẽ! Thôi thì một mình, mình vui-tính mình vẫn thích ngâm vịnh, vậy thì ngâm thơ lắm vui, rồi mượn ba chén rượu rửa sạch mối sầu ly-biệt. Trong phòng văn, một mình ngồi đối ngọn đèn xanh, chạnh lòng đất khách, sực nhớ người xưa. Chợt nghe nơi ngoài sông Hương, có tiếng mái chèo vỗ nước mà giữa khoảng đêm trăng, trời sương mù mịt, lòng những bơi-hồi, ta có cảm-tưởng là Trương-Kế (tu-hào đời Đường) đêm thu dạo thuyền qua bến Cô-tô, gần chùa Hàn-sơn. Lại nhớ ngày nào trên khúc sông, nơi thơ Đỗ-Phủ đời Đường, đứng trước cảnh thu, thấy thuyền ai chôi-nổi, lại thương cho cái thân bình-bồng của mình mà làm ra tám bài thu-hứng, khiến người có tứ lữ-du, cũng nặng lòng thương nước, nhớ nhà! Ta cùng một cảnh-ngộ, nên lòng buồn man-mác. Mới ngày nào, cùng vui sum-họp mà nay cô-tịch thế này? Này trăng thu, này gió thu, này thơ thu, này rượu thu, nào ai cùng ta trông trăng, hứng gió, ngâm thơ, nâng rượu bây giờ?

Nghĩ đến cảnh ly biệt, hai hàng châu lã-chã tuôn rơi! Đoái trông mây trắng xa xa, chỉ biết cuối trời là chốn quê nhà qua bao từng núi trùng-trùng điệp-điệp.

Hết nghĩ xa thôi lại nghĩ gần.

Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa cầu-lơn. Bừng mắt dậy, cái đêm thê-lương vẫn hoàn thê-lương!

(Còn nữa)

NHẬT-NHAM

Giá báo

1 năm	20 $ 00
6 tháng	11 , 00
3 tháng	6 , 00
Mỗi số	0 , 50

HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ NAM KỲ THÀNH LẬP

Tiếp theo Hội Nghị Giáo khoa toàn quốc, Hội Truyền-Bá Quốc-ngữ ở Nam Kỳ đã chính thức thành lập. Ủy-ban tổ chức (tức là ban Trị Sự tạm thời) gồm những vị sau này:

Ô. Michel VĂN VĨ (Chánh Hội), Ô. ĐOÀN QUANG TẤN (Phó Hội), cô NGUYỄN THỊ CHÂU (Thư ký), Bác sĩ NGUYỄN VĂN THỊNH (Hội-viên sáng lập), Bác sĩ TRẦN VĂN NGÔN và Bác sĩ TRẦN QUANG ĐỘ (Hội viên sáng lập).

Mục đích và chương trình của Hội đại khái cũng giống như của hai Hội ở Trung, Bắc-kỳ. Phòng giấy tạm đặt ở góc đường Albert 1er và Marcel Richaud. Tin này đã được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt.

Thế là sau sáu năm chờ đợi và cố vũ, đồng bào Lục Tỉnh đã hưởng ứng công cuộc chống nạn thất học để sửa soạn lương lai nước nhà.

Tiện đây, chúng tôi xin nhắc lại rằng từ năm ngoái, ở rải rác mấy nơi trong Nam cũng đã có những lớp T. B. Q. N. tổ chức và giảng dạy theo quy cả của Hội ngoài Bắc.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bá cáo

Chúng tôi được nghe nói nhiều chỗ đã diễn hoặc sắp diễn những vở kịch của « Viện Sách Quê Hương » mà không thấy hỏi gì đến tác giả.

Vậy xin nhắc để các bạn xa gần nhớ rằng không nên bỏ qua một lẽ phải tầm thường là bản quyền của bất kỳ ai, về bất cứ một sở hữu gì, cũng cần phải trọng. —

PHAN KHẮC KHOAN

Hộp thư

— 5. L. H. Tử - Long Hương — cảm ơn ông — Chúng tôi không nhận xuất bản thơ

Ty xuất bản

Những con giống...

(Tiếp theo trang 7)

(ngư-lâm[1] Quan-âm. Còn Bao-công sai người vào trong hang núi, tìm Kim tiểu-thư đem về phủ-nha, thì đã gần chết, chỉ còn hơi nong-nóng ở giữa bụng, mời thầy thuốc thăm mạch đều nói không việc gì, lấy hơi người thổi vào thì sống lại. Bao-công bảo thừa-tướng rằng: « Tiểu-thư với Lưu tú-tài không phải là không có túc-duyên. Ngày nay lão-phu đứng băng-nhân (người mối), thành tựu việc hôn-nhân này ». Bèn gọi Lưu-Chân, bảo lấy hơi thở vào tiểu thư, quả nhiên tiểu-thư sống lại: những người xung quanh đều bàn-tán là trái nhẽ, nhưng Bao-công cứ vui-vẻ, sai người đưa vào trong dinh thừa-tướng, tối ấy Lưu-Chân và tiểu-thư thành-thân. Năm sau Lưu Chân đỗ hạng ưu, làm quan đến trung thư, sinh hai con đều ra làm quan cả.»

Xem như thế thì có lẽ đèn cá chép không phải điển cá chép vàng, vì trong truyện chỉ nói đèn lồng, với treo đèn, chứ không nói rõ đèn cá chép; và chỉ nói tám tháng giêng, chứ không nói rằm tháng tám, nhưng cũng dịch đủ ở trên này, để độc-giả biết cái lối văn *kỳ-án* cũng như văn *chí-dị*, chỉ mua vui, không nên tin quá.

Cũng vì thế, có người nói đèn cá chép chính là theo điển cá chép hóa rồng, cùng với sự-tích ông nghè tháng tám, và voi, ngựa, thần-thử, nguyệt-tiêu, v v.

Sự-tích cá hóa rồng, ở sách Tàu chép rằng « Hà-nam bên Tàu có một chỗ gọi là Long-môn, tức Vũ-môn, mỗi năm có một ngày cá vượt đấy thì, hễ vượt qua được, thì hóa rồng », cho nên người Tàu thường có câu thơ mừng người thi đỗ rằng: « Vũ-môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi » nghĩa là « ở ở Vũ-môn ba đợt sóng, đài bằng nổi tiếng sấm vang » ý nói người học-trò đi thi đỗ, cũng như con cá chép vượt được Vũ-môn rồi hóa rồng. Ở nước ta về tỉnh Hà-tĩnh, huyện Hương-khê, núi khai-trường, cũng có chỗ gọi là Vũ-môn, nên có câu ca-dao: « mồng tám cá đi ăn thề, mồng chín cá về, cá vượt Vũ-môn » và câu « Bao giờ cá chép hóa rồng, đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa ». Người đi thi đỗ, ví là cá chép hóa rồng. Thế thì cái đèn cá chép ta đang dùng về tết tháng tám, có lẽ là « cá chép hóa rồng », chứ không phải « cá-chép vàng thành tinh ».

Nhân nói chuyện cá hóa rồng, tôi nhắc qua câu *Thuyết-văn* nói « rồng đứng đầu loài có vảy, có thể tối, có thể sáng, có thể nhỏ, có thể lớn, có thể ngắn, có thể dài, tiết xuân-phân thì bay lên trời, tiết thu phân thì ẩn ở vực sâu » (Long, lân-trùng chi trưởng, năng u năng minh, năng tế năng cự, năng đoản năng trường, xuân-phân nhi đăng thiên, thu phân nhi tiềm uyên). *Thuyết-văn* giảng nghĩa như thế, có ý cho con rồng là một con quý báu, chỉ có thể tưởng-tượng, chứ không thể hình-dung được. *Quảng-nhã* giải-thích rằng: « Rồng, có vảy gọi là giao long; có cánh gọi là ứng long; có sừng gọi là cù-long; không sừng gọi là ly-long; chưa bay lên trời gọi là bàn-long ». Vậy thì rồng có nhiều tên lắm, người ta cho là không thể hình dung được cũng phải: sách tây nói đến nhiều lắm, như quyển Gesepler, *Le mythe du dragon en Chine*, trong *Revue archéologique*, năm 1917; bài De Cora-Rémusat, *Animaux fantastiques de l'Indochine, de l'Insulinde et de la Chine*, trong *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, năm 1936, v. v.

Riêng về con Giao-long (mà ta thường gọi là thuồng luồng), các sách tàu đều chép con ấy sinh ra ở nước ta, sau có người Tây nói có trông thấy ở vịnh Hạ-long. *Hoài Nam-tử* (q. 1, tờ 8 a) chép rằng: « Dân ở phía nam núi Cửu-nghi (thuộc quận Thương-ngô) ít làm việc trên cạn mà thường làm nghề ở dưới nước, bấy giờ người đàn cắt tóc vẽ mình (văn thân) để hình tượng loài lân-trùng ». Cao-dụ là tác-giả *Hoài-nam-tử* chú nghĩa rằng: « văn-thân nghĩa là khắc vào trong da người rồi bôi mực chấm vào trong, vẽ hình con giao long để lội xuống nước, không bị giống giao-long làm hại, cho nên gọi là hình tượng giống lân-trùng ».

Cùng đoạn sách ấy, *Hán-thư* (quyển 28 hạ, tờ 9 a) chép về dân nước Việt có câu « vẽ mình cắt tóc, để tránh cái nạn giao-long ». Ứng-Thiệu chú nghĩa rằng: « Thường ở dưới nước, cho nên phải cắt tóc, vẽ vào mình hình rồng con (long tử) cho nên không bị giao-long làm hại ».

Sách ta như *Khâm-định Việt-sử, tiền-biên* (q. 1, tờ 1b) cũng chép: « Lúc bấy giờ (ở đời Hồng-bàng, Lạc-vương thứ nhất) nhân dân ở dọc lội xuống nước, thường bị giống giao long làm hại. Lạc-vương dạy dân lấy mực vẽ giống thủy quái vào mình, từ bấy giờ mới

kéo lại! Cái học văn thả cửu là bắt đầu từ đấy ».

Tương truyền đời xưa những nhà Lang-liêu [illegible] vẫn còn tục chạm [illegible] con rồng ở lưng, bụng và hai đùi mãi đến đời Trần mới bỏ tục ấy. *Khâm-định Việt sử chính biên*, (q.8, tờ 29a) chép: « năm thứ ba Long-long thứ 7 (1299) Pháp-hoàng về phủ Thiên-trường (tức Trần Nhân-tông lúc ấy đã xuất gia, tu ở núi Yên tử) ngự ở điện Trùng-quang. Vua Anh-tông vào chầu Thượng-hoàng dạy rằng: « nhà ta khởi nghiệp từ nơi bể bể, chạm thích hình con rồng, ta tỏ ý không quên gốc ». Lúc ấy thợ chạm đã chực ở cửa cung; vua rinh Thượng-hoàng ngồi nhìn chỗ khác, vua tránh sang cung Trường-hoa, Thượng-hoàng biết ý, sau cũng không ép, thành ra cái tục văn thân từ đấy bỏ hẳn ».

Cứ xem sách Tàu sách ta chép như thế, thì con rồng đối với lịch sử dân tộc ta có quan-hệ [illegible] nhận là « con rồng cháu tiên » không phải là không nghĩa. Lại nữa: Tả văn tương-truyền và Việt-sử ngoại-kỷ có chép rằng « cháu bà đời vua Thần-nông (bên Tàu) là Đế-Minh đi tuần-thú phương nam, lấy bà Vụ-tiên (là ông tổ nước ta) sinh ra Lộc-Tục; Lộc-Tục là vua thủy-tổ nước ta, sinh ra Lạc-long... ». Có chữ « tiên » nên gọi là « cháu tiên », có chữ « long » nên gọi là « con rồng ». Các nhà nhân-sĩ ủng-học cho dân ta hồi bấy giờ cũng có tục « Vật tổ sùng bái » như dân châu Mỹ; tục ấy có dân hiện giờ vẫn còn. Có lẽ bấy giờ dân ta cũng thờ rồng làm thủy tổ, mà chính Lạc-long quân cũng tự nhận mình là loài rồng. Và lại theo nghĩa chữ « long » của Tàu như trên vừa nói, thì long là vật rất quý, nên đời sau thường ví vua là « long ». Rồi lấy cái giường của vua, gọi là « long sàng », cái thuyền của vua gọi là « long châu »; Phàm của vua đều dùng chữ « long »; ví như người anh-hùng mới quật khởi lên vua, gọi là « long hưng » hoặc « long phi »; khi người anh hùng chưa làm vua gọi là « long tiềm ». Ngoài ông vua ra cũng có khi dùng chữ « long », như « long tử » là bậc hiền tài, « long-nữ » là đức Phật. Nói tóm lại, phàm những thứ quý-báu đều gọi là rồng cả.

Đấy là nói về tích con rồng, nhưng hiện nay ở Bắc-kỳ ta rước rồng thì không thấy mấy nơi thấy rước sư-tử thì nhiều, mà cái tục rước sư-tử thịnh-hành lắm, hễ mới đến tết rằm tháng tám, là người ta trông-tượng thấy rước sư-tử ở trước mắt. Sư-tử là một thứ ông mãnh-hổ xuất sản ở Phi châu và Tây Á, nhanh và khoẻ lạ-lùng, tiếng hét thấu đến vài dặm, người ta thường gọi là vua các muông thú.

Ở bên Tàu, bắt đầu từ đời Hậu-Hán mới thấy nói đến sư-tử. *Đông quan ký* chép « trong đời Hán Thuận-đế (126-144) Sơ-lạc-Vương sai sứ-thần đến kinh-đô vua Hán dâng trâu rừng (phong ngưu) và sư-tử ». Con sư-tử ấy « giống con Lõ, sắc vàng, có râu mép dài thẳng vút đuôi to và bằng cái đấu. *Chính-tự-thông* chú nghĩa, con sư-tử có râu mép mà đuôi lớn như thế là con đực ». Những hình sư-tử bấy ở lăng tẩm đời Hán, trông không giống sư-tử thật. Ông Osvald Sirén có in một vài bức ảnh trong quyển *La sculpture chinoise* (Introduction générale, trang 20).

Còn ở nước ta, thì sách không chép rõ, chỉ nói về đời Tống có làm sư tử giả sang ta để đi đánh với voi thật của Chiêm-thành. Truyện như sau này: « Năm thứ 23 hiệu Nguyên-gia (446) đời Tống Văn-đế. Vua Tống sai thứ-sử châu Giao là Đàn-hòa Chi đi đánh Lâm ấp (tức Chiêm-thành). Lúc bấy giờ có người ở Nam-dương tên là Tông-Xác, dòng-dõi nho-gia, đến Tông-Xác bàn việc võ, thường nói tình nguyện đi trên trường phong phá lớn sóng muôn dặm (nguyện thừa trường phong phá vạn lý lãng). Kịp khi Đàn-hòa Chi đi đánh Lâm-ấp, Tông-Xác [illegible] phấn khởi xin tòng quân. Vua Tống cho Tông Xác làm Chấn-võ tướng-quân, Đàn-hòa-Chi sai Tông Xác làm tiền phong. Dương Mại (vua Lâm ấp) chữ chàm gọi là Yang Mah, xem Georges Maspero *Le Royaume de Champa*, trang 68-74) nghe Hòa-Chi đem quân ra, sai sứ đàng biểu xin giả lại những dân Nhật-nam đã cướp được, và xin nộp một vạn cân vàng, mười vạn cân bạc. Vua Tống ban chiếu cho Hòa-Chi: Nếu Dương-Mại quả nhiên có lòng thành thực, nên cho quy-thuận. Sau Dương-Mại cả nghe lời dặn

thần là Bồ-tát đặt cơn ngăn, bởi không xin bởi nữa. Hỏa-Chi đem quân đến đóng ở huyện Chu-ngô, sai lộ-tào tham-quân ở phủ Giao-châu là Khương-trọng-Cơ đi trước đến bắc cho Dương-Mại biết. Dương-Mại bắt bọn Khương-trọng-Cơ giữ lại, Hỏa-chi giận lắm, liền vẫy tướng Lâm-ấp là Phạm-phù-Long ở thành Khu-tú (sách ta chép là Khu-lật). Dương-Mại sai tướng khác là Phạm-cận-Sa đến cứu. Tông-Xác phục binh đón đánh phá được. Vào khoảng tháng năm, bọn Hỏa-Chi hạ được thành Khu-lật, chém Phù-long, thừa thế thẳng vào huyện Tượng-phố. Dương-Mại đem quân cả nước lại đánh, voi chở khí giới rất nhiều. Tông-Xác nói: nghe ngoại-quốc có giống sư-tử, sai phục trăm muông thú, bèn sai chế hình sư-tử, để chống nhau với voi, quả nhiên voi thấy sư-tử sợ chạy, quân Lâm-ấp thua to, thế là Hỏa-Chi lấy được nước Lâm-ấp. Dương-Mại và con được sống sót. Hỏa-Chi lấy được những của báu không biết tên, chẳng rõ bao nhiêu mà kể.

Lại bắt người vàng (kim nhân) vài mươi vạn cân (*Tống-thư* chép: nước Lâm-ấp thờ đạo Ni-càn, đúc tượng người bằng vàng bạc, to đến mười vòng). Tông-Xác không lấy một tấc gì cả, bèn về nhà, tới bành lý rỗng không (*Khâm-định Việt-sử*, tiền-biên, q. 3, tờ 18 a). Cứ như thế thì người Nam ta làm hình dạng sư-tử có lẽ từ khi Đặc-thuộc, vào khoảng thế-kỷ thứ năm.

Cũng có nơi gọi sư-tử là kỳ-lân, hoặc con nghê hay con long-mã (xem quyển *L'art à Huế*, trang 86 và trang 105). Sách tàu (xem Henri Doré, *Recherches sur les superstitions en Chine*, phần thứ nhất, quyển thứ hai số 4, tr. 446) chép «kỳ-lân như con hươu, to lớn hơn, đuôi trâu, vó ngựa, có miếng thịt trước chán là cái sừng, trên lưng lông ngũ sắc, lông bụng sắc vàng, không xéo chân lên cây cỏ sống, không ăn kiêng sống, khi có thánh nhân xuất thế, hay vương-đạo thi hành thì kỳ-lân mới ra đời. Nay bên Phù-châu có muông thú giống con hươu, hay ăn những mầm nhỏ cây tối, người Phù-tang cũng dịch là kỳ lân». Có sách giải nghĩa: con đực không có sừng gọi là kỳ, con cái có sừng gọi là lân. Cứ như thế, thì những đầu sư-tử trẻ con thường rước, có lẽ là đầu kỳ-lân, vì có sừng. Cũng vì dùng lẫn như thế nên người ta thường thêu vẽ hoặc chạm trổ những kiểu «tam sư hỷ cầu» (ba con sư-tử bỡn quả cầu) hoặc «kỳ-lân tống tử» (con kỳ lân cho con). Lại còn kiểu «Long mã phụ đồ» (con long-mã mang Hà đồ lạc thư).

Ngoài những giống kỳ-lân, sư-tử, người ta còn làm những đèn hình con thỏ, con thiềm-thừ để cho trẻ con chơi tháng tám. Thiềm thừ tiếng nôm thường gọi là con cóc. *Hàn-Hán thư* chép: «Ngày xưa Hậu-Nghệ xin thuốc trường-sinh của Tây-Vương-Mẫu: Hằng-nga ăn trộm thuốc ấy rồi chạy lên cung giăng, hóa ra thiềm-thừ». Đời sau nhân thế, gọi giăng là thiềm-thừ, gọi cung giăng là thiềm-cung. Sau người ta gọi những người thi đỗ là lên cung thiềm (giăng thiềm cung). Lại cho là trên giăng có cây quế, nên gọi những người thi đỗ là bẻ quế (triết quế) mà gọi cung giăng là thiềm-quế. Tục thường gọi những hòn đen trong cung giăng là con thỏ, nên có chữ «thiềm thỏ». *Dậu-dương tạp-trở* nói rằng: «Những thiềm-thừ và cây quế ở trong giăng là hòn đất, còn những chỗ trống không là bóng nước». Có một mặt giăng mà người ta đặt biết bao nhiêu là tên, mà tên nào cũng có điển-tích cả. Xem xét ra đều là hoang-viễn (xem quyển Carl Hentze, *Mythes et symboles lunaires: Chine ancienne, civilisations anciennes de l'Asie, peuples limitrophes du Pacifique*; Pierre Fouloul, *Printemps et automne*, v. v.

Dù sao mặc lòng, tết trung thu này vừa có ý nghĩa của người lớn, vừa có ý nghĩa cho trẻ con. Phần người lớn, lấy tết trông giăng để chiêm nghiệm về nghề tằm và nghề nông. Phần trẻ con, thì nhân tết trông giăng làm ra ông nghè để kỳ vọng cho con cháu học tập, mong sao cho lớn được cung giăng hoặc bẻ quế cung giăng. Lại là tết của bọn gái gái đến thì, nhờ có tết trông giăng để bắt những cảm tình tự, vì trên cung giăng có ông Nguyệt-lão xe tơ để kết đôi lứa cho nhân-gian. Vì thế tết tháng tám đã truyền từ trước đến nay được hơn nghìn năm.

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

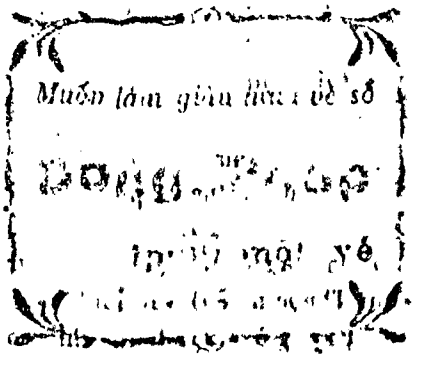

Mồng tám, tháng tám,

ngày chúa Nguyễn Phúc-Ánh khắc phục Sài-gòn lần thứ tư

Số 2

LÊ-THỌ-XUÂN

Năm Tân-sửu (1781). Ngài cũng ở yên tại Sài-gòn, nhưng có điều chẳng may là vào đêm 23 tháng ba. Ngài phải ra lịnh hạ *sát một vị đại-công-thần* là *Ngoại-hữu Phụ-chánh Thượng-tướng-công Đỗ-thanh-Nhân* về tội lỗi chi-chi khó rõ.

Đến tháng năm, chúa Nguyễn-phúc-Ánh điểm-duyệt thủy bộ chư dinh thì thấy quân không dưới ba vạn, bải-đạo-thuyền được 80 chiếc đại-chiến-thuyền 3 chiếc và tây-dương-thuyền 2 chiếc.

Sang tháng ba năm Nhâm-dần (1782), vua Thái-đức, của nhà Tây-sơn là Nguyễn-Nhạc nghe Đỗ-thanh-Nhân đã chết, quân Đông-sơn làm phản, bèn cùng em là Nguyễn-Huệ đem hàng trăm chiến-thuyền vào cửa *Cần-giờ*.

Chúa Nguyễn-phúc-Ánh vội sai Tống-phước-Thiêm điều-bát thủy-quân đón đánh tại sông *Ngả-bảy*. Gặp thế Tây-sơn quá mạnh, Thiêm phải lui về Mạn-Hoè (Manuel) bị vây tứ phía đến phải đốt tàu mà tự tử.

Nghe tin báo, chúa Nguyễn thân đốc binh thuyền tiếp ứng. Vừa tới *Ngả-ba* thì gặp địch-quân. Ngài vừa đánh vừa lui về *Bến-nghé*. Nhưng quân của vua Thái-đức đuổi theo kịp. Ngài bèn chạy thẳng xuống *Rạch-gầm* (Mỹ-tho) và đến ở tại gồng *Cai Lữ* (tức Thuộc nhiêu) vào lúc tháng tư. Bấy giờ tùng-thần chỉ có Nguyễn-huỳnh-Đức, Trần-xuân-Trạch, Nguyễn-kim-Phẩm, Dương-công-Trừng, Thống-binh Hạp, Thống-binh Kính, còn tàn-quân góp-nhóp được lối *ba trăm*.

Bỗng có Đô-đốc Nguyễn-Học của Tây sơn kéo binh đến, Chúa Nguyễn và ba quân liều chết đánh cản. May sao Kim-Phẩm chém được Nguyễn-Học và thâu được địch-thuyền trên ba mươi chiếc. Chúa Nguyễn thừa thắng đến *Trấn-định-dinh* (chợ cũ Mỹ-tho) rồi thẳng lên sông *Ngả-tư* tại Bình-đông. Chợ lớn.

Thì vị *anh-hùng đệ nhứt của Tây-sơn* là Long-tương tướng-quân Nguyễn-Huệ đã đến kia rồi. Không sao đương nổi, chúa Nguyễn-phúc-Ánh lui về *Bến-lức*. Vừa gặp Lưu thủ Thăng từ Vĩnh-trấn-dinh (tức Long-hồ, Vĩnh-long) đem chiến-thuyền đến. Ngài bèn thẳng vào *Cần-thơ* rồi qua *Rạch-giá*, đến *Hà-tiên* và ra *Phú quốc*

Tháng năm, vua Thái-đức và Nguyễn-Huệ về Qui-nhơn, để Đỗ-nhàn-Trập cùng ba ngàn quân trấn giữ Sài-gòn.

Qua tháng sáu, *đầu này* Hồ-văn-Lân thâu-tập quân-sĩ đánh úp *Long hồ dinh*, rồi cùng Dương-công-Trừng hội binh và kéo đến đánh *Bến-lức* thâu đoạt chiến-thuyền Tây sơn hơn mười chiếc; *đầu kia Châu-văn-Tiếp* từ Phú-yên treương cờ « *Lương-sơn tá quốc* » kéo quân vào khắc-phục Sài-gòn, rồi sai người ra *Phú-quốc* báo tiệp và thỉnh chúa *hồi loan*.

Thế là đến đây, *thành Sài-gòn ba lần mất đi rồi ba lần thâu lại*, hai bên ai dễ nhường ai.

Giờ đã hết năm Nhâm-dần và đã sang năm Qui-mão (1783). Bước qua đầu tháng hai, hai em của vua Thái-đức là Nguyễn-Huệ và Nguyễn-Lữ kéo binh thuyền vào.

Chúa Nguyễn-phúc-Ánh đã nghe tin từ trước. Ngài sai bọn Châu-văn-Tiếp, Tôn-thất-Mân, Dương-công-Trừng, Tiên-phong Tùy... ngăn sông cự chiến. Ngài lại sai Giám-quân Tô giữ việc liệu cơ phóng hỏa đốt thuyền Tây-sơn.

Ngày 24, khi hai bên giáp nhau, Tiên-phong Tùy giả thua lui lại. Thấy địch-quân sâu vào trận-thế, Giám-quân Tô truyền lịnh bắn mồi phóng hỏa. Gặp lúc nước lớn lại gặp gió chướng thổi giả, lửa *trở ngọn cháy lại thuyền bè* của Tiếp. Vì thế, Tôn-thất-Mân bị chết đuối, Dương-công-Trừng bị sanh-cầm, Châu-văn-Tiếp phải bỏ chạy, chúa Nguyễn-phúc-Ánh phải tuốt xuống Ba-giồng, tùng-thần *vỏn-vẹn năm sáu người với chủng đến một trăm tàn-tốt*.

Thua trận nầy gây trận khác, con nhà chiến-sĩ sao được thối chí nản lòng. Bước qua tháng tư, sau khi qui tập tướng-sĩ, chúa Nguyễn cho Nguyễn-kim-Phẩm đi tiêu-phong, Nguyễn-huỳnh-Đức làm hậu-ứng, chúa tôi đồng kéo đến *Đồng Tuyên* về vùng Chợ Đệm. Nguyễn-Huệ nghe báo liền đem bộ-binh chặn đánh. Lại thua to một trận nữa nhìn thấy chư tướng bị bắt và bị giết rất nhiều, chúa Nguyễn bỏ thuyền chạy bộ. Nhưng ngài gặp

cảnh: *phía sau thì quân Tây-sơn 6 dãy, phía trước là một dãy trường-giang*. Mà phải là sông nhỏ đâu. Nó là sông *Bến-lức* (chữ Hán gọi Thuận-an-giang, tiếng Pháp gọi Vaico Oriental tức là Vàm-cỏ đông), rộng những *ba trăm và mấy bước*. Phải làm sao một khi chẳng có ghe thuyền đâu đó? Ngài chỉ còn một nước: Xùm! ... Ngài nhảy xuống và lội ngang được.

Lại băng bộ chạy nữa. Một dãy trường-giang khác lại hiện ra. Nó là *Vàm-cỏ tây* (Vaico occidental), cũng gọi là sông Vũng-gù hay Hưng-hòa-giang. Nó chẳng những cũng rộng lớn như Vàm-cỏ đông mà khúc này lại có nhiều sấu nữa.

Làm sao dám lội qua: May có con trâu nằm ở mé bờ, Ngài thót lên lưng, đánh cho *long* qua phía *Rạch-chanh*. Rồi ngài thẳng xuống *Mỹ-tho*, rước Quốc-mẫu và cung quyến ngồi thuyền *chạy ra Phú-quốc*.

Kế ở *Hà tiên* có bọn tì-tướng của Trần-Đình làm phản, Ngài vào đánh đẹp rồi lại trở ra *Phú quốc* và ở tại *mũi Đá-chồng*.

Tháng sáu, tướng Tây-sơn là Thống-Suất Phan-tấn-Thận đem binh-thuyền đánh Phú quốc. Thế rất kấp-bách, Cai-đội Lê-phước-Điền *bèn rước lấy ngự-phục mặc vào* và đứng trước mũi thuyền, Quân Tây-sơn tranh nhau ùa đến bắt. Nhờ vậy, chúa Nguyễn-phúc-Ánh thoát nạn, *chạy luốt đến đảo Côn-lôn*.

Tháng bảy, nghe quân trinh thám báo, Nguyễn Huệ sai Phạm mã Thương-văn Đa tận suất thủy binh vây đánh. Trong lúc nguy-biến ấy, bỗng có gió to sóng lớn, thuyền Đa ở ngoài bị chìm rất nhiều. Nhơn đó thuyền chúa Nguyễn thoát ra được và chạy một mạch đến hòn *Cổ-cốt* (Koh kut). Thám biết Thống-suất Thận đã đi rồi, chúa Nguyễn mới lần về *Phú quốc* và cùng Bá-đa-Lộc bàn việc cầu cứu với Pháp-đình.

Kế đó, muốn bết thực lực của Tây-sơn, Ngài tiến đến *Fo-lôi* (Giao-thạnh Bến-tre), rồi ra *Ma-ly* (sông Phan, Bình-thuận) mà thám dò quân tình. Phút chốc có hơn hai mươi thuyền Tây sơn đổ xô ra đánh. Thuyền Ngài bèn *trương cả hai buồm chạy thoát về Phú quốc*.

Tháng tám, Ngài đến *Cà mau*. Tướng Tây-sơn là Lưu-Hữu Nguyễn-Hòa nghe báo, đem hơn năm mươi chiến-thuyền ám phục tại cửa sông *Ông-Đốc*. Ngài biết được, vội vả dạy nỗ lực chèo thu ền ra biển — chắc là do cửa *Cái-Tàu* — thẳng đến *Hòn-chông* rồi ra hòn *Thổ-châu* nấu-nương chờ vận. Sử ta chép là Ngài ghé *Hòn-Chông* nhưng có lẽ là Ngài ghé Hang Tiên vì ngoài sự khẩu truyền, ta còn thấy ông Madrolle thuật rõ ràng trong quyển « *Indochine du Sud* » (trang 54 về Nam-kỳ) và nếu ta có đến Hang Tiên ở *giữa cỏ non xanh nước đẹp, ở giữa chỗ mà người Pháp đã gọi là vịnh Hạ-long thứ nhì* thì ta thấy trong hang *còn có chỗ gọi là long sàng, còn có chỗ gọi cầm-đờn* để nhắc rằng Hang Tiên đã được hân hạnh đón rước vua Gia-long trong lúc Ngài đương bôn bá.

***

Năm Quý Mão (1783) là một năm vất-vả của chúa Nguyễn-phúc-Ánh. Khi thì bay mãi ngoài khơi đến hết nước uống, khi thì đi ngày chẳng có cơm ăn: lúc lúc Ngài thân rá cần câu lồ lùng-thần nghỉ sức, hằng bữa Ngài ăn cơm với tôm khô và bảy vị trộn tiêu, gừng ớt, tối, Ngài thường ban món ăn lạ độ cho tùng thần và nói « Chúng ta nên ăn đồ nầy để trừ sơn lam chướng khí, và cũng để tỏ vằng, *ta cùng chư khanh vẫn đồng lân khổ* ».

Tháng hai năm Giáp-thìn (1784) Ngài ở *Thổ châu* vào *Cà mau* để gặp tướng Xiêm Ấy, rồi sau khi thất trận ở sông Bến nghé, Châu văn-Tiếp chạy thẳng qua Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm sai Đạt xỉ Đa đem thủy quân qua mời Ngài sang Vọng cát.

Tháng ba, *Ngài tới Xiêm đó, tùng-thần chỉ ba mươi, tùng-quân còn ít hơn nữa*.

Ngày mồng chín tháng sáu Ngài về nước, vua Xiêm sai hai chúa là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem hai chục ngàn thủy binh và ba trăm chiến thuyền theo giúp.

Tháng bảy, Ngài thâu phục được *Rạch-giá*, đánh bại Đô đốc Nguyễn Hóa ở *Cà mau* rồi thẳng *Kỳ Ba thắc* (*Đạt-ngãi*) *Trà ôn Mân-thít và Sa đéc*.

Đêm 18 tháng mười, Châu văn-Tiếp giao-chiến với Tây sơn tại *Mân thít*. Hai bên đánh nhau rất lâu; Tiếp hăng tiết, nhảy qua thuyền Tây-sơn, bị địch quân đâm trúng. Chúa Nguyễn-phúc Ánh xua quân ùa tới cứu được Chưởng-tiền Bảo và cứu được Tiếp. Nhưng vì vết thương quá nặng Tiếp kêu to một tiếng rồi từ giã cõi trần.

Tháng 11 chúa Nguyễn thâu lại được hai đồn *Ba rài* và *Trà tân* (Mỹ tho), nhưng cũng phải bao tiêm một viên đại tướng là Cai cơ Đặng-văn-Lượng.

Từ tháng tám năm trước, Ngô-Huệ, Nguyễn-Lữ đã về Qui-nhơn, để Trương-rắc-Đa cứ thủ Gia-định. Thấy thế quân Xiêm quá mạnh, Đã chạy sở về trào cáo cấp. Vua Thái-đức sai Nguyễn-Huệ vào tiếp ứng.

Bấy giờ quân Xiêm đương hoành hành ở vùng Mỹ tho : nào là bắt hiếp phụ-nữ, nào là cướp giựt của tiền, *tiếng ta oán đã đưa tới chín từng mây lộng !*

Nguyễn Huệ vào tới, phục binh ở *Rách-gầm* và *Xoài-mút*, rồi ra quân khiêu chiến. Chiêu-Tăng và Chiêu Sương ỷ mạnh xua quân đánh càn, bị phục binh đổ ra vây bọc ba mặt sông. Tướng-sĩ Tiêm-la chỉ còn nước bỏ thuyền nhảy lên bờ mà chạy. Mà có khỏi đâu ! Một đạo phục binh của Tây-sơn đã chực chờ sẵn đó. Ba trăm chiếc thuyền đều mất cả hai vạn quân chỉ còn thoát được có vài ngàn theo nữ tướng đạp đường Chơn-lạp chạy về nước.

Bọn Lê-văn Duyệt cũng bị Huệ đánh rả-rời tan tác. Chúa Nguyễn-phúc-Ánh quay thuyền chạy thẳng vào *Cần-thơ* nhằm ngày 18 tháng chạp, rồi ra *Thổ-châu* một lần nữa, có thiết gì rượu tết với hoa xuân.

Tháng hai năm Ất-dậu (1785), binh tướng Tây-sơn ra đánh Thổ-châu. Chúa Nguyễn-phúc-Ánh chạy lên *Cổ-cốt*, rồi tháng tư, Ngài tới *Xiêm-đô* với *năm chiến thuyền* chở 29 tùng-thần và hai trăm sĩ-tốt.

Từ đây, Ngài ở yên tại vọng-các tới mùa thu năm Đinh-vị (1787).

***

Thất trận Rạch gầm, quân Xiêm miệng tuy nói lớn lối, nhưng bụng sợ Tây-sơn hơn cọp còn tâm-chí nào dám đến thi gan với *Bắc-bình-vương*. Vâng, lúc bấy giờ Nguyễn-Huệ đã tự xưng là *Bắc-bình-vương*, sau khi một trận lấy thành Phú-xuân rồi ra Bắc dứt luôn họ Trịnh.

Biết rõ là không thể nương nhờ họ được, ngày mồng một tháng bảy năm Đinh-vị, nhơn lúc nửa đêm, chúa Nguyễn-phúc-Ánh để thơ từ tạ rồi xuống thuyền về thẳng *Cà-mâu*.

Tháng tám, Ngài đánh lấy được *Trà ôn* (Cần thơ) và *Ba-rài* (Mỹ-tho).

Tháng chín, Ngài từ cửa *Cần-giờ lên đánh Sài-gòn*. Bị thua Phạm-văn-Tham, Ngài do đường *Ba-vát* lui về *cù-lao Giung*. (Cù-lao nầy ở tại cửa Hậu-giang (Bassac), vì trước có nhiều cọp nên sách ta thường chép là Hổ-châu).

Tại đây, coi lại tướng-sĩ chỉ còn độ ba trăm người, chiến-thuyền chỉ còn hai mươi chiếc, Ngài dạy Nguyễn-văn Duồn chiêu-tập dân Cao-miên ở hai xứ Trà-vinh và Mân-thít hơn ngàn người, lập thành đội binh gọi Xiêm-binh-đồn và cho Duồn quản lãnh. (Duồn là người Cao-miên, chúa Nguyễn-phúc-Ánh cho theo họ Nguyễn ; về sau vua Minh-mạng đạy bớt « chấm thủy » thành Nguyễn-văn-Tôn ta quen gọi là ông *Điều-bát ở Trà ôn*).

Tháng mười, Ngài đến sông *Mỹ-lồng* (nay là rạch Bến-tre), Rồi bị thua tại đây. Ngài chạy xuống vùng *Bãi-ngạo* (Ngao-châu) tức là vùng Ba-tri ngày nay. Lần thua chạy nầy, Ngài được thêm một người tôi hiền là *Trương-tấn-Bửu*, sau làm đến chức *Trung-quân kiêm Tả quân, Phò tướng, Ước Lồng-vân hầu* tổng lãnh chức *Gia-định thành Phó-Tổng-trấn* mà hiện nay ở Phú nhuận (Sài-gòn) có mộ và miếu thờ.

Bấy giờ, Ngài sai Nguyễn đức-Xuyên qua Gò-công dụ hàng Võ-Tánh, rồi thẳng lên đóng đại-bản-doanh tại *Hồi-oa*, tức là Ngã-ba Nước-Xoáy về tỉnh Sa-đéc.

Tháng tư năm Mậu-thân (1788). Ngài khởi binh đánh *Bát-điền* (sách « *Thực-lục* » chưa là thuộc Vĩnh-long tỉnh, có lẽ nó là cù-lao *Bát-lân* mà cũng gọi là *Bãi-tiền*, ở ngang tỉnh-lỵ ngày nay), rồi tháng bảy đánh lấy *Bạ-giồng* và *mồng tám tháng tám, khắc phục Sài-gòn lần thứ tư*.

Lần nầy Ngài mau được thành công như thế là vì Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ mải bận việc ở Bắc-hà trong Nam chỉ để Thái-bảo Phạm-văn Tham trấn thủ, lại thêm Ngài mới được cả vạn quân của Kiến-hòa Đạo chỉ huy bởi *Võ-Tánh*, một người trong « Gia-định tam hùng », một vị cệ nhứt huân-thần *có cái chết anh-hùng* khiến cho ta ngày nay hãy còn cảm-khái mỗi khi đọc hai câu thơ :

Lãnh-khối đạo nhiệt anh-hùng huyết,
Tử-thần năng sanh chiến-sĩ can »

Của *Tịnh-viễn-Hầu Ngô-nhân-Tịnh*, hay *ngậm ngùi* mỗi khi nghe tiếng ai ngâm :

« *Trông lên hòn Thập Cảnh-Tiên,*
« *Cảm thương quân Hậu thủ thiêng ba năm !* »

LÊ-THỌ-XUÂN

Rút trong một bài viết văn.

ĐÃ CÓ BÁN

THƠ MÂY NGÀN

Bìa 2 màu, bìa 3 màu do họa-sĩ Mạnh Quỳnh trình bày, in toàn giấy đặc-biệt, số sách vừa đủ để hiến các nhà sành thơ

Bản giấy nghệ thuật Giá 7$00
Bản giấy sốp trắng — 15$00
(còn 5 bản)

QUỐC HỌC

THƯ - XÃ PHÁT - HÀNH

Đang in

KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT II
(500 trang, 20.000 chữ Hán)
TRIẾT HỌC TẠP BÚT

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản hai cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH
Phạm xuân-Độ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SÚC TRANH CÔNG
bản dịch Phú văn của Hoàng hữu-Xứng và A de R

Bình phẩm cuốn này, Cô Cadière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Đại la 12$00 cước 1$00

Tổng phát hành
MAI-LĨNH
21, Rue des Pipes — Hanoi

TỦ SÁCH NGÀY MỚI
Đã phát hành:

VĂN-CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI
của Lương-đức Thiệp Giá : 2$50

Nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật — tính cách dâng cấp trong văn-học Việt-Nam — xu hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại.

ĐANG IN :

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH
nghiên - cứu của Nguyễn nguyên Điểm

VIẾT VÀ SỐNG
của Nguyễn xuân Huy

CON MỘT ÍT :

MẸ TÔI *gia đình tiểu thuyết*
của Nguyễn khắc Mẫn Giá : 3$80

VĂN HỌC VÀ TRIẾT LUẬN
của bà Mộng Sơn Giá : 2$50

ĐẠI HỌC THƯ XÃ
181 Henri d'Orléans Hanoi
Giám Đốc : LÊ MỘNG CẦU

ĐÃ XUẤT BẢN ĐỦ BỘ

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân Dương Bá Trạc soạn

Tác giả, bình sinh sở đắc về chữ nho, lại sau bao nhiêu năm xem sách, nghiền ngẫm và dạy học, đã tìm ra được cái mẹo mạc, cái quy thức nhất định về sự học chữ nho, nay gom góp đủ vào bộ sách này, cốt cống hiến những bạn muốn học chữ nho có được cái lợi khi hoàn toàn để học lấy một mình được

Toàn bộ 2 quyển — giá 4$00 cước 0$45
(không gửi lĩnh hóa giao ngân) đề cho :
hiệu sách Đông Tây, 195,
phố hàng Bông — HANOI
Mua buôn, trừ 20% — cước phí về phần nhà xuất bản chịu

Đã có bán :

Câu- chuyện văn học

của Thiếu-Sơn *Giá : 4$00*

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nhẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phẳng lẳng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao-siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiếu-Sơn đã giảng trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-tác, mà cả dân-chúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lưu

Tức Hoa-Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0$50

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

TỦ SÁCH

« TÂN-VĂN-HÓA »

25 - 9 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU DẪN

của Nguyễn-hải Âu

Giá 4 $ 00

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC NGÀY 10-10-1944 SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí nghị luận

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA TƯ TRÀO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiên tsin Hanoi

do QUẢNG VẠN THÀNH phát hành

Sách Vở *đã có bán*

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hải Hồ dịch một quyển giáo khoa, đào luyện trí khí trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quí này có một cái « sức cảm hóa to lắm...

Trích lời của ông Hoàng Đạo Thúy

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944

Giá 4$00 cước 0 80

đang in

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải Tàng soạn

một thiên « Thời bệnh luận » rất đáng nên đọc. « ...chủ đích là muốn đề xướng một vấn-đề mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi cạnh tranh này... »

Giá 2$00 cước 0.80 trích lời nói đầu của Tác-giả.

đã có *Hàng hóa*

ÁO ĐI MƯA ÍCHLAN

Bằng lụa tà, sơn tà mười mấy năm kinh-nghiệm, nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp.

mới chế

VẢI DAY SƠN

màu giả da (simili cuir)

dùng để may áo mặc rét làm mui xe áo tơi cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền

KHẢM TRUYỀN THẦN

Giống như hệt, đẹp tuyệt trần thật là một công-nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp.

Vị nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá hàng, xin cho biết địa chỉ và 0.10 tem về

QUẢNG VẠN THÀNH « Nội-Hoá » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi số 16 Hanoi

Phố Doumer — 51 Hai phong

Phố Yên lưu Kinh môn Haidương

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi